

TỔNG  
**14** KHO  
 \$4,263.83 m<sup>2</sup>  
 V18,413.87 m<sup>3</sup>

- Hưng Yên**
  - ▶ Kho GSP BEPHARCO
  - ▶ Chi nhánh Hà Nội
- Hồ Chí Minh**
  - ▶ Kho GSP BEPHARCO
  - ▶ Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Vĩnh Long**
  - ▶ Kho GDP BEPHARCO
  - ▶ BEPHARCO (Nhà máy Hóa Dược)
  - ▶ Kho GDP Bến Tre
  - ▶ BHC Việt Nam

**7**  
**CHI NHÁNH**  
 PHÂN PHỐI TOÀN QUỐC  
 >35 000 KHÁCH HÀNG TOÀN QUỐC

HỆ THỐNG LƯU TRỮ

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



**BEPHARCO**

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.  
Văn phòng điều hành: 11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745  
Fax: (027) 53 824 248

Email: [bepharco.vietnam@bepharco.com](mailto:bepharco.vietnam@bepharco.com)  
Website: [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)

# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

## HƯỚNG ĐẾN TOP 5

Ký kết hợp tác chiến lược với 3 trường Đại học Y Dược, mở rộng mạng lưới liên kết đào tạo Bắc - Trung - Nam: Trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM, ĐH Y Dược Hải Phòng và Trường Y Dược - ĐH Đà Nẵng.

2025

Mua lại Công ty cổ phần Ypharco Healthcare (YHC)

2024

Bepharco chuyển sang niêm yết trên sàn chứng khoán TP. HCM (HOSE)

2020

Nhà nước thoái vốn toàn bộ tại Bepharco

2014

Bepharco chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần

2004

Công ty Dược phẩm Bến Tre và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre hợp nhất thành Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre

1983

1963

# CÔNG TY PHÂN PHỐI DƯỢC HÀNG ĐẦU

**VIỆT NAM**

Hành trình hơn sáu thập kỷ kiến tạo uy tín của Bepharco không chỉ là câu chuyện của thời gian, mà là minh chứng cho một cam kết bền bỉ vì sức khỏe con người được dẫn lối bởi tâm đức. Chúng tôi định vị mình là nơi giao thoa của hai dòng chảy chiến lược: vừa tận tâm mang những thành tựu y học ưu việt của thế giới về phục vụ người Việt, vừa tự hào đưa các sản phẩm dược mang đậm dấu ấn Việt Nam vươn tầm xuất khẩu.




















Bepharco sở hữu Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (Ypharco)

Niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX)

Một trong năm Công ty dược phẩm đầu tiên ở Việt Nam được Chính phủ cấp phép chính thức để nhập khẩu thuốc

Tiền thân là phòng Bảo chế thuốc của Ban Dân Y Bến Tre

# DANH MỤC NHÓM HÀNG

• BEPHARCO	• VIỆT NAM	
• YPHARCO	• VIỆT NAM	
• YPHARCO HEALTHCARE	• VIỆT NAM	
• GEDEON RICHTER	• HUNGARY	
• EGIS	• HUNGARY	
• RAPTAKOS	• ẤN ĐỘ	
• MEDEXPORT	• Ý	
• DELORBIS	• CỘNG HÒA SÍP	
• PRO.MED.CS PRAHA A.S	• CỘNG HÒA SÉC	
• HANLIM PHARM	• HÀN QUỐC	
• PHARMALINK	• TÂY BAN NHA	
• HEALTHCARE AUSTRALIA	• ÚC	
• DAVAC	• VIỆT NAM	
• BIOPHARCO	• VIỆT NAM	
• MEYER-BPC	• VIỆT NAM	
• DRP INTER	• VIỆT NAM	
• MEDLAC	• VIỆT NAM	
• MIPHARMCO	• VIỆT NAM	
• SPOMEDIC	• VIỆT NAM	



BEPHARCO



## BEFADOL KID

### Thành phần:

Mỗi 5 ml hỗn dịch chứa:

Paracetamol .....150 mg

### Chỉ định:

Hạ sốt, giảm đau nhức thông thường và khó chịu trong các trường hợp cảm lạnh, cúm, mọc răng, đau răng, đau đầu, đau tai, đau sau khi tiêm vắc xin, viêm họng.

### Liều dùng:

Uống 3 – 4 lần mỗi ngày.

Liều dùng Paracetamol hằng ngày tính theo cân nặng của trẻ.

Tuổi của trẻ chỉ để tham khảo, chi tiết xem hướng dẫn tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.

Hộp 20 gói x 5 ml.

# GIẢM ĐAU HẠ SỐT





### Quy cách:

Hộp 1 chai x 30 ml. | Hộp 1 chai x 60 ml.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 5 ml.

# BEFABROL

### Thành phần:

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:

Ambroxol HCl .....15 mg

### Chỉ định:

Tiêu chảy trong các bệnh hô hấp cấp và mạn tính có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen. Các bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để đề phòng các biến chứng ở phổi.

### Liều dùng:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

20 ml x 3 lần/ngày,  
khi cải thiện 10 ml x 2 đến 3 lần/ngày.

**Bệnh nặng khó thở:**

20 ml x 3 lần/ngày x 2-3 ngày đầu,  
sau đó 20 ml x 2 lần/ngày.

**Trẻ nhỏ hơn 12 tuổi:**

dùng 2 lần/ngày.

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

# Becolugel-S

Làm dịu các triệu chứng trong rối loạn tiêu hoá  
liên quan đến tăng tiết acid dạ dày

NÓNG BÔNG  
THƯỢNG VỊ

CHƯỞNG  
HƠI

ĐAU  
BỤNG

KHÓ  
TIÊU



Ợ  
NÓNG

## Thành phần:

Mỗi gói 10ml chứa:

Aluminium oxide .....	0,4 g
Magnesium hydroxide .....	0,8004 g
Simethicone .....	0,08 g

## Chỉ định:

Làm dịu các triệu chứng trong rối loạn tiêu hóa liên quan đến tăng tiết acid dạ dày như: Ợ nóng, khó tiêu, nóng bông vùng thượng vị, đau bụng, chướng hơi.

## Liều dùng:

Người lớn:

10 ml (1 gói) x 2-4 lần/ngày.

Trẻ em trên 1 tuổi:

5-10 ml (1/2 gói - 1 gói) x 2-4 lần/ngày.

## Quy cách:

Hộp 20 gói x 10 ml.

# BOSUZINC

Bổ sung nhu cầu hàng ngày và điều trị thiếu kẽm trong các trường hợp: **tiêu chảy cấp và mạn tính, suy dinh dưỡng, chán ăn, chậm tăng trưởng,...**

Hộp 1 chai x 30ml



Hộp 20 gói x 5 ml



## Thành phần:

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:  
Kẽm gluconat .....70 mg

## Chỉ định:

Bổ sung nhu cầu hàng ngày và điều trị thiếu kẽm. Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

## Liều dùng:

- Trẻ em từ 6 - 12 tháng tuổi: 2,5 ml/ngày.
- Trẻ em từ 1 - 3 tuổi: 5 ml/ngày, chia làm 2 lần.
- Trẻ em từ 3 - 6 tuổi: 7,5 ml/ngày, chia làm 3 lần.
- Trẻ em trên 6 tuổi và người lớn: 10 ml/ngày, chia làm 2 lần.

## KIDIFUNVON

### Thành phần:

Mỗi 30 ml si rô thuốc chứa:

Bromhexin HCl .....	24 mg
Phenylephrin HCl .....	15 mg
Guaifenesin .....	300 mg

### Chỉ định:

Rối loạn tiết dịch phế quản, thúc đẩy loại bỏ chất nhầy đường hô hấp do làm long đờm, giảm tạm thời số mũi, ngứa mũi, xung huyết mũi do cảm lạnh, viêm phế quản, viêm tiểu phế quản, viêm thanh quản, viêm hầu họng và viêm xoang.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.



### Liều dùng:

Từ 2 - 4 tuổi: 2,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 4 - 6 tuổi: 5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Từ 6 - 12 tuổi: 7,5 ml x 3 - 4 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.

## KHÁNG DỊ ỨNG

## BECOLORAT

### Thành phần:

Mỗi 5 ml si rô thuốc chứa:

Desloratadine .....	2,5 mg
---------------------	--------

### Liều dùng:

Dùng đường uống, uống 1 lần/ngày, uống cùng hoặc không cùng bữa ăn.

**Liều dùng trung bình:** 5 mg/lần/ngày.

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 20 gói 5 ml si rô thuốc.

Hộp 1 chai 30 ml si rô thuốc.

Hộp 1 chai 60 ml si rô thuốc.



### Chỉ định:

- Giảm nhanh các triệu chứng liên quan đến viêm mũi dị ứng: Hắt hơi, sổ mũi, ngứa mũi, xung huyết/nghẹt mũi cũng như ngứa, chảy nước mắt, đỏ mắt, ngứa họng và ho.
- Giảm các triệu chứng liên quan đến mày đay như: giảm ngứa, giảm kích cỡ và số lượng ban.

# BECOPIRA

**Thành phần:**

Mỗi 5 ml dung dịch uống chứa:

Piracetam ..... 1000 mg

**Chỉ định:**

Người lớn:

- Điều trị triệu chứng của hội chứng tâm thần - thực thể: suy giảm trí nhớ, kém tập trung, rối loạn hành vi và thiếu động lực ở người cao tuổi được cải thiện khi điều trị.
- Dùng bổ trợ trong điều trị rung giật cơ có nguồn gốc từ vỏ não.
- Điều trị chóng mặt và các rối loạn thăng bằng đi kèm, ngoại trừ choáng váng có nguồn gốc do vận mạch hoặc tâm thần.
- Phòng ngừa và làm giảm các đợt cấp nghẽn mạch ở bệnh hồng cầu hình liềm.

Trẻ em:

- Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc hay khó tiếp thu và kết hợp với trị liệu ngôn ngữ.
- Phòng ngừa và làm giảm các đợt cấp nghẽn mạch ở bệnh hồng cầu hình liềm.



**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

- Hộp 20 gói x 5 ml dung dịch uống.
- Hộp 1 chai x 30 ml dung dịch uống.
- Hộp 1 chai x 60 ml dung dịch uống.
- Hộp 1 chai x 100 ml dung dịch uống.

# TIÊU HÓA - GAN MẬT

# BECORIDONE | BECORIDONE NEW

**Thành phần:**

Mỗi 1 ml hỗn dịch chứa:

Domperidon maleat ..... 1,27 mg

**Chỉ định:**

Điều trị triệu chứng nôn và buồn nôn.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Mẫu cũ

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 30 ml.



Mẫu mới

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 25 ml.  
Hộp 1 chai x 55 ml.

## BECOLUGEL



### Thành phần:

Mỗi gói 20 g chứa:

Aluminium phosphate gel 20% ..... 12,38 g

### Chỉ định:

Điều trị cơn đau, bỏng rát và tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày hoặc thực quản.

### Liều dùng:

Mỗi lần 1 - 2 gói sau các bữa ăn khoảng 30 phút đến 2 giờ.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 20 g.

## BECOLUGEL-O

### Thành phần:

Mỗi gói 10 ml chứa:

Magnesium hydroxide ..... 196 mg

Oxethazaine ..... 20 mg

### Chỉ định:

Đau cấp tính, mạn tính trong bệnh viêm dạ dày, loét tá tràng. Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày, stress. Viêm thực quản, đau bụng do khó tiêu.

### Liều dùng:

- Người lớn: ½ đến 1 gói/lần, 4 lần/ngày.
- Trẻ em: Không dùng thuốc này cho trẻ em.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 10 ml.



## GASMAGEL

### Thành phần:

Mỗi gói 15 ml chứa:

Almagat .....1000 mg

### Chỉ định:

Thuốc có tác dụng kháng acid và cải thiện các chứng bệnh sau: loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày, các chứng bệnh do tăng tiết acid (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

### Liều dùng:

- **Người lớn:**  
Dùng 1 gói (15 ml) x 4 lần/ngày.
- **Trẻ em (6 - 12 tuổi):**  
Dùng nửa liều dành cho người lớn.



### Quy cách:

Hộp 20 gói x 15 ml.

## THIDAMAGEL

### Thành phần:

Mỗi gói 15 ml chứa:

Almagat ..... 1500 mg

### Chỉ định:

Thuốc có tác dụng kháng acid và cải thiện các chứng bệnh sau: loét dạ dày, loét tá tràng, viêm dạ dày, các chứng bệnh do tăng tiết acid (ợ nóng, buồn nôn, nôn, đau dạ dày, chứng ợ); bệnh trào ngược thực quản.

### Liều dùng:

- **Người lớn:**  
Dùng 1 gói (15 ml) x 3 lần/ngày.
- **Trẻ em (6 - 12 tuổi):**  
Dùng nửa liều dành cho người lớn.



### Quy cách:

Hộp 20 gói x 15 ml.

## BETOFER

### Thành phần:

Mỗi 5 ml siro thuốc chứa:

Sắt (III) hydroxide polymaltose complex ..... 178 mg

### Chỉ định:

Điều trị tình trạng thiếu sắt tiềm ẩn;

Điều trị thiếu máu do thiếu sắt;

Phòng ngừa thiếu sắt khi mang thai.

### Liều dùng:

**Điều trị bệnh thiếu sắt tiềm ẩn:**

- Trẻ em từ 1 - 12 tuổi: 2,5 - 5 ml/ngày.
- Trẻ em từ 12 tuổi trở lên, người lớn, phụ nữ đang cho con bú: 5 - 10 ml/ngày.

**Điều trị thiếu máu do thiếu sắt.:**

- Đối với trẻ em dưới 1 tuổi: khởi đầu với liều 2,5 ml/ngày, sau đó tăng lên 5 ml/ngày.
- Đối với trẻ em từ 1 - 12 tuổi: khuyến cáo 5 - 10 ml/ngày.
- Người từ 12 tuổi trở lên, phụ nữ đang cho con bú: 10 - 30 ml/ngày.

**Sử dụng cho phụ nữ có thai:**

- Thiếu sắt tiềm ẩn và phòng thiếu sắt: 5 -10 ml.
- Thiếu máu do thiếu sắt: 20 - 30 ml/ngày cho đến khi giá trị huyết sắc tố trở về bình thường. Sau đó, điều trị duy trì với liều 10 ml/ngày cho đến cuối thai kỳ.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.

Hộp 1 chai x 100 ml.

Hộp 20 gói x 5 ml.

Hộp 20 gói x 10 ml.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI



YPHARCO



SẢN PHẨM  
**ĐÔNG DƯỢC**  
TỪ **THIÊN**  
**NHIÊN** **8**

AN THẦN  
ĐỊNH CHỈ  
DƯỠNG TÂM

**NHÓM ĐIỀU TRỊ**

TÁ HẠ,  
TIÊU THỰC  
 BÌNH VỊ, KIÊN TÌ  
NHUẬN TRĂNG

BỔ PHẾ

BỔ ÂM  
DƯỠNG HUYẾT

ĐIỀU KINH  
AN THAI

GIẢI ĐỘC, TIÊU BAN  
LỢI THỦY  
THANH NHIỆT

DỪNG  
NGOÀI

GIẢI BIẾU

GIẢI BIỂU

VIETNAM NO.1  
BRAND AWARDS  
2025



BÌNH CHỌN  
THƯƠNG HIỆU SỐ 1  
VIỆT NAM 2025

# CẨM XUYÊN HƯƠNG

**YÊN BÀI**



TỰ HÀO VINH DANH  
THƯƠNG HIỆU  
**SỐ 1**  
VIỆT NAM  
TRONG LĨNH VỰC  
DƯỢC PHẨM



YPHARCO



# CẢM XUYÊN HƯƠNG

**YÊN BÀI**



CHIẾT XUẤT  
**6 LOẠI**  
THẢO DƯỢC

## » ĐIỀU TRỊ « CÁC TRIỆU CHỨNG

- ✓ CẢM CÚM
- ✓ CẢM LẠNH
- ✓ NHỨC ĐẦU
- ✓ HẮT HƠI
- ✓ SỞ MŨI DO CẢM LẠNH

### Thành phần:

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

### Chỉ định:

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

### Liều dùng, cách dùng:

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:

3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.

Trẻ em từ 30 tháng tuổi - 12 tuổi:

1 - 2 viên x 3 - 4 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

# CỐM CẢM XUYÊN HƯƠNG

**YÊN BÀI**

**Thành phần:**

Xuyên khung, Bạch chi, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

**Chỉ định:**

Điều trị cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

**Liều dùng, cách dùng:**

Từ 6 tháng - 1 tuổi: 1 gói x 2 lần/ngày.

Từ 1 - 5 tuổi: 1 gói x 3 lần/ngày.

Từ 5 - 12 tuổi: 2 gói x 2 lần/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên và người lớn: 2 gói x 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 20 gói x 2 g thuốc cốm.

# SIRO CẢM XUYÊN HƯƠNG

**YÊN BÀI**

**Thành phần:**

Cát cánh, Kinh giới, Tử uẩn, Xuyên khung, Bạch bộ, Hương phụ, Cam thảo, Trần bì.

**Chỉ định:**

Điều trị cảm lạnh, cảm cúm, hắt hơi, sổ mũi, ngọt mũi; Điều trị các chứng ho do lạnh, ho đờm nhiều.

**Liều dùng, cách dùng:**

Từ 30 tháng tuổi - 7 tuổi:

7,5 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Từ 7 - 12 tuổi: 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.

Trên 12 tuổi: 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai 60ml.



CHIẾT XUẤT  
8 LOẠI  
THẢO DƯỢC  
QUÝ

Cát cánh

Cam thảo

Trần bì

Kinh giới

Tử uẩn

Bạch bộ

Hương phụ

Xuyên khung

# BỔ PHẾ TIÊU ĐỜM

Chữa ho kéo dài do phế âm hư  
(ho khan, ho có đờm đặc).



## Thành phần:

Sinh địa, Thục địa, Đường quy,  
Bách hợp, Mạch môn, Huyền sâm,  
Bạch thược, Cát cánh, Cam thảo,  
Tinh dầu bạc hà.

## Liều dùng:

- Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:  
15 ml x 4 lần/ngày.
- Từ 6 - 10 tuổi: 10 ml x 4 lần/ngày.
- Từ 30 tháng - 5 tuổi: 5 ml x 4 lần/ngày.

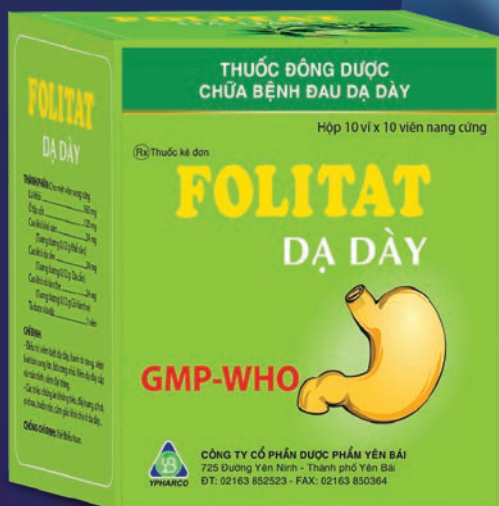
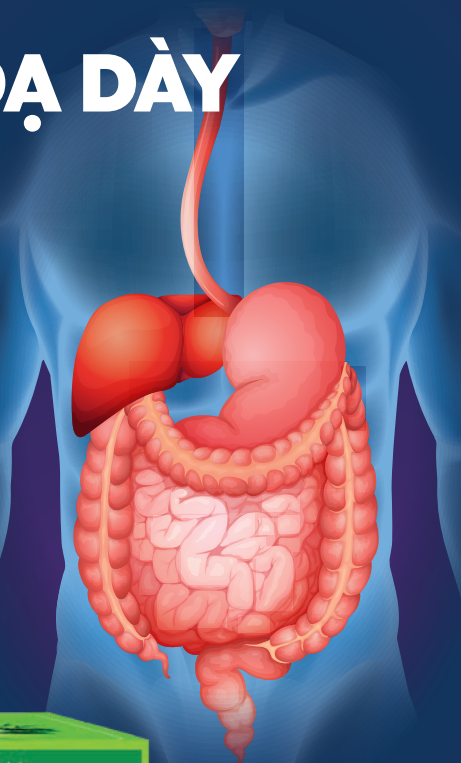
## Quy cách:

Hộp 1 chai siro 125 ml.

# FOLITAT DẠ DÀY

Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, viêm loét bờ cong lớn, bờ cong nhỏ, viêm dạ dày cấp và mãn tính, viêm đại tràng.

Các triệu chứng ăn không tiêu, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, buồn nôn, cảm giác khó chịu ở dạ dày.



**Thành phần:**

Lá khôi, Ô tặc cốt, cao khô Khổ sâm, cao khô Dạ cẩm, cao khô Cỏ hàn the.

**Liều dùng:**

Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày  
Trẻ em: 1 viên x 2 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

# ACOCINA



### Thành phần:

Ô dầu, Mã tiền, Thiên niên kiện, Quế nhục, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu long não, Methyl salicylat.

### Chỉ định:

Giảm đau, tan tụ huyết, tiêu sưng. Dùng trong các trường hợp bị chấn thương, đau nhức, mỏi cơ, đau khớp, đau dây thần kinh, cảm lạnh.

### Liều dùng:

Ngày dùng 3 – 4 lần.  
Đợt dùng từ 5 – 7 ngày.

### Cách dùng:

**Dùng nắp xịt:** Cầm lọ thuốc theo chiều thẳng đứng đầu xịt phía trên. Xịt thuốc lên chỗ đau hoặc tụ máu xoa, day, bóp trực tiếp tại chỗ cho thuốc ngấm.

**Không dùng nắp xịt:** Dùng tấm bông chấm thuốc bôi vào chỗ đau hoặc tụ máu xoa, day, bóp trực tiếp tại chỗ cho thuốc ngấm.

**Sau khi dùng phải rửa tay kỹ.**

### Quy cách:

Hộp 1 lọ 30 ml.  
Hộp 1 lọ 40 ml.  
Hộp 1 lọ 80 ml.

## AN THẦN

### Thành phần:

Táo nhân, Tâm sen, Thảo quyết minh, Bột talc, Đẳng tâm thảo, Calci carbonat, Magnesi stearat.

### Công dụng:

Trị khó ngủ, mất ngủ đặc biệt ở người cao tuổi, người suy nhược thần kinh, người lao động trí óc nhiều. Giảm stress, lo lắng, căng thẳng, tim đập hồi hộp.

### Liều dùng:

Uống 2 - 3 viên x 3 lần/ngày.  
Đợt dùng 2 - 4 tuần.

### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang.



## HOẠT HUYẾT PLUS

### Thành phần:

Cao đặc rễ đinh lăng, Cao khô lá bạch quả.

### Chỉ định:

Phòng và điều trị các bệnh sau:

- Suy giảm trí nhớ, thiếu năng tuần hoàn não, hội chứng tiền đình, rối loạn tuần hoàn não.

Suy tuần hoàn, có các biểu hiện:

- Đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Làm việc trí óc căng thẳng bị đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mệt mỏi.

Giảm chức năng não bộ:

- Giảm trí nhớ, suy nhược thần kinh.

Chứng run giật của bệnh nhân Parkinson.



### Liều dùng:

Người lớn: Uống 1 gói lần x 1 - 2 lần/ngày.

Trẻ em trên 12 tuổi: Uống 1 gói lần x 1 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 3 g thuốc cốm.

## HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO

(Viên nén bao phim | bao đường)

### Thành phần:

Cao đặc Đinh lăng, Cao khô lá Bạch quả.

### Liều dùng:

Người lớn: 2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 20 viên bao phim.



### Chỉ định:

Dùng trong trường hợp: Thiếu năng tuần hoàn não có các biểu hiện đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, mất ngủ, mất thăng bằng. Suy nhược thần kinh, di chứng tai biến mạch máu não, hội chứng tiền đình, suy mạch vành.

### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường.



## ĐIỀU KINH - AN THAI

## BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH

### Thành phần:

Xuyên khung, Bạch thực, Bạch truyệt, Đương quy, Phục linh, Thực địa, Cam thảo, Ích mẫu, Đảng sâm.

### Chỉ định:

Dưỡng huyết, nhuận sắc, điều kinh. Dùng cho phụ nữ sắc mặt kém tươi, tóc rụng nhiều, kinh nguyệt không đều, đau bụng khi hành kinh.

### Liều dùng, cách dùng:

Uống 3 viên/lần, 3 - 4 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang.

## **BỔ THẬN ÂM**

**Thành phần:**

Thực địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả.

**Chỉ định:**

Dùng cho người gầy yếu, mệt mỏi, nóng khát, ra mồ hôi trộm, vầng đầu, chóng mặt, ù tai, đau lưng, mỏi gối, di mộng tinh.

**Quy cách:**

Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.

**Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em trên 15 tuổi:** 1 gói x 3 lần/ngày.

**Trẻ em từ 5 - 15 tuổi:** ½ gói x 3 lần/ngày.



## **TAM THẤT BỔ MÁU - YB**

**Thành phần:**

Tam thất.

**Chỉ định:**

Dùng cho người thiếu máu, mệt mỏi, hoa mắt, chóng mặt, nhức đầu, ít ngủ. Người bị thổ huyết, ho ra máu, chảy máu cam, băng huyết, rong kinh, đi tiểu ra máu, hoạt huyết, tiêu sưng.

**Liều dùng:**

**Người lớn:** 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.

**Trẻ em:** Uống nửa liều người lớn.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng.



## **ENTEKA - YB**

### **Thành phần:**

Xuyên khung, Xích thực, Sinh địa, Đào nhân, Hồng hoa, Sài hồ, Cam thảo, Ngưu tất, Cát cánh, Chỉ xác, Dương quy.

### **Chỉ định:**

#### **Dùng trong trường hợp:**

Tăng cholesterol máu, đau đầu, chóng mặt, chóng mắt, mệt mỏi, hay quên, hỗ trợ phòng và điều trị cơn đau thắt ngực.

### **Liều dùng:**

- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**  
2 - 3 viên x 2 - 3 lần/ngày.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:**  
1 - 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.

### **Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng.



## **BỔ PHẾ**

## **BỔ PHẾ**

### **Thành phần:**

Bạch linh, Cát cánh, Tang bạch bì, Bán hạ, Bách bộ, Cam thảo, Tô diệp, Mạch môn, Trần bì, Viễn chí, Tinh dầu Bạc hà.

### **Chỉ định:**

Trị các chứng ho gió, ho lâu ngày, ho do hàn, ho có đờm loãng, rất cổ.

### **Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:**

Mỗi lần 15 ml x 3 lần/ngày.

**Trẻ em từ 6 - 10 tuổi:** Mỗi lần 10 ml x 3 lần/ngày.

**Trẻ em từ 2 - 5 tuổi:** Mỗi lần 5 ml x 3 lần/ngày.

### **Quy cách:**

Hộp 1 chai siro 100 ml.



## CẨM CÚM - HO YBA

### Thành phần:

Cát cánh, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Kinh giới.

### Chỉ định:

Dùng trong các trường hợp cảm cúm, nhức đầu, trị ho, trừ đờm do cảm lạnh.

### Liều dùng:

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**

3 - 4 viên x 3 - 4 lần/ngày.

**Trẻ em dưới 12 tuổi:**

2 - 3 viên x 3 - 4 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



## THUỐC HO THẢO DƯỢC

### Thành phần:

Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.

### Chỉ định:

Trị chứng ho do lạnh, ho lâu ngày không dứt, ho đờm nhiều, khạc đờm khó, viêm phế quản cấp và mạn tính.

### Liều dùng:

**Trẻ em 5 - 12 tuổi:** 10 ml x 2 - 3 lần/ngày.

**Trẻ 12 tuổi trở lên:** 15 ml x 2 - 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 1 chai siro 100 ml.



## CẢM XUYÊN HƯƠNG PLUS

### Thành phần:

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc.

### Chỉ định:

Điều trị các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi do cảm lạnh.

### Liều dùng, cách dùng:

Ngày uống 2 lần.

- Trẻ em từ 6 tháng đến 1 tuổi: 5 ml/lần.
- Trẻ em từ 1 - 5 tuổi: 7,5 ml/lần.
- Trẻ em từ 5 - 10 tuổi: 10 ml/lần.

### Cách dùng:

Uống trực tiếp hoặc có thể pha với một ít nước ấm hoặc nước đun sôi để nguội cho dễ uống.



### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 ml.  
Hộp 1 chai x 100 ml.



## GIẢI CẢM

### Thành phần:

Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Cao đặc Hương phụ, Khương hoạt, Phòng phong, Thương truật, Hoàng cầm, Sinh địa, Tế tân, Cam thảo.

### Chỉ định:

Dùng trong các trường hợp cảm cúm, cảm lạnh, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi.

### Cách dùng:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

3 viên x 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: 2 viên x 2 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

## NHIỆT MIỆNG YÊN BÀI

### Thành phần:

Hoàng liên, Đường quy, Sinh địa, Đan bì, Thăng ma.

### Chỉ định:

Chữa viêm loét miệng lưỡi (nhiệt miệng), viêm lợi, chảy máu chân răng, hôi miệng. Phòng ngừa bệnh tái phát.

### Liều dùng:

- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**  
Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:**  
Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên.  
Đợt điều trị liên tục 10 ngày.



### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng.

## TIÊU ĐỘC

### Thành phần:

Kim Ngân Hoa, Bồ Công Anh, Bạch Linh, Hoàng Liên, Liên Kiều, Ké Đầu Ngựa, Hạ Khô Thảo.

### Chỉ định:

Điều trị dị ứng, mẩn ngứa, ban sởi, mề đay. Giúp thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, tiêu viêm. Phòng và điều trị mụn trứng cá, ung nhọt sưng đau.

### Liều dùng:

- **Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**  
2 - 4 viên/lần x 3 lần/ngày.
- **Trẻ em dưới 12 tuổi:**  
2 viên/lần x 3 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

## BỔ TỶ

### Thành phần:

Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh, Cam thảo, Thục địa, Liên nhục, Đại táo, gừng tươi.

### Công dụng:

Kích thích tiêu hóa, giúp ăn ngon miệng. Dùng cho trẻ chán ăn, còi xương, suy dinh dưỡng, chậm lớn. Dùng cho người lớn trong thời kỳ dưỡng bệnh.

### Liều dùng:

- Trẻ từ 6 tháng - 3 tuổi: 10 ml x 3 - 4 lần/ngày.
- Từ 3 - 12 tuổi: 15 ml x 3 - 4 lần/ngày.
- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 20 ml x 3 - 4 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 1 chai siro 125 ml.

## ĐẠI TRÀNG HOÀN

### Thành phần:

Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Mạch nha, Sơn tra, Sa nhân, Nhục đậu khấu, Sơn dược.

### Chỉ định:

Điều trị viêm đại tràng mãn tính, tiêu chảy mãn tính, đau bụng, đầy hơi, ăn uống khó tiêu.

### Liều dùng, cách dùng:

2 gói x 3 lần/ngày.

Uống sau bữa ăn với nước đun sôi để nguội.

### Quy cách:

Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.



## HƯƠNG LIÊN HOÀN

### Thành phần:

Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.

### Chỉ định:

Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng, rối loạn tiêu hóa.

### Cách dùng:

- Từ 2 - 7 tuổi: 1/3 gói x 3 - 4 lần/ngày.
- Từ 8 - 12 tuổi: 1/2 gói x 3 - 4 lần/ngày.
- Trên 12 tuổi: 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 gói x 4 g hoàn cứng.



## HƯƠNG LIÊN YBA

### Thành phần:

Hoàng liên, Vân mộc hương, Đại hồi, Quế, Đinh hương, Sa nhân.

### Chỉ định:

Điều trị tiêu chảy, viêm tiểu tràng, đại tràng, lỵ trực tràng, rối loạn tiêu hóa.

### Liều dùng:

Ngày uống 3 lần.

Trẻ em từ 1 - 5 tuổi: Mỗi lần 1 viên.

Trẻ em từ 5 - 12 tuổi: Mỗi lần 2 viên.

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:

Mỗi lần 3 viên.



### Quy cách:

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang.



**Quy cách:**

Hộp 1 chai siro 125 ml.

## H'TIEN YBA

**Thành phần:**

Bạch truật, Hoàng kỳ, Đảng sâm, Phục thần, Mộc hương, Toan táo nhân, Đương quy, Viễn chí, Trích Cam thảo.

**Công dụng:**

Bài thuốc có tác dụng an thần, kích thích tiêu hóa, làm ăn ngon miệng, ngủ ngon, hồi phục sức khỏe cho các trường hợp:

- Trẻ em biếng ăn, gầy còm, suy dinh dưỡng, ngủ không an giấc.
- Người mới ốm dậy, người già yếu, cơ thể mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt, mất ngủ.

**Liều dùng:**

**Từ 6 - 12 tuổi:** 15 ml x 3 lần/ngày.

**Trên 12 tuổi:** 20 ml x 3 lần/ngày.

## PHUGIA

**Thành phần:**

Cam thảo, Bạch truật, Can khương, Mạch nha, Phục linh, Bán hạ chế, Đảng sâm, Hậu phác, Chỉ thực, Ngô thù du.

**Chỉ định:**

Điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng, đau vùng thượng vị, đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, ăn uống không tiêu.

**Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**

3 viên, 2 - 3 lần/ngày.

**Trẻ em 8 - 12 tuổi:** 2 viên, 2 - 3 lần/ngày.

**Trẻ em từ 2 - 7 tuổi:** 1 viên, 2 - 3 lần/ngày.



**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

## TÔ MỘC YB

### Thành phần:

Cao khô Tô mộc.

### Chỉ định:

Dùng trong trường hợp: tụ máu, sưng do chấn thương. Đau bụng do kinh nguyệt bế, sau khi đẻ bị huyết ứ trướng đau. Chữa lỵ ra máu, đau ruột. Xích bạch đới.

### Liều dùng:

Người lớn:

Dùng 1 gói/lần x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi:

Dùng ½ liều người lớn.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 3 g thuốc cốm.





# YPHARCO HEALTHCARE

THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

YPHARCO  
HEALTHCARE

# Amak

Hỗ trợ:  
BỔ THẬN  
TRẮNG DƯƠNG

Hỗ trợ:  
TĂNG CƯỜNG  
SINH LỰC

Hỗ trợ:  
CẢI THIỆN SINH LÝ  
NAM GIỚI



**Thành phần:**

Cao khô Amak  
(Tom Trờng Nensô, Nam Dong, Tom Ngleng)

**Cách dùng:**

2 viên/lần x 2 lần/ngày (sáng và tối)

**Công dụng:**

Hỗ trợ bổ thận, trắng dương, tăng cường sinh lực, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới.

**Hỗ trợ giảm triệu chứng:**

Đau lưng, mỏi gối, đi tiểu nhiều lần, sinh lý yếu dẫn do thận kém.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm.

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

**AmaKing**

SỨC MẠNH TỪ ĐẠI NGÀN

*Hỗ trợ tăng cường*  
**SINH LÝ NAM GIỚI**



**Thành phần:**

Hỗn hợp cao thảo mộc (Tôm Trạng Nenko, Nam Dong, Tom Ngleng), L-Arginine HCl, Kẽm gluconat.

**Công dụng:**

Hỗ trợ tăng cường sinh lý nam giới.

**Cách dùng:**

Uống 2 viên/lần x 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi tối.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 30 viên.



**MỌI CUỘC VUI  
ĐỀU TRỌN VẸN**

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

**Giải Rượu YB**

**Thành phần:**

Lá dong, Cà gai leo, Rau má, Đàng sâm, Chè dây (lá), Sắn dây (rễ củ), Khủng khéng, Atiso.

**Công dụng:**

Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan. Hỗ trợ giải rượu. Hỗ trợ hạn chế các biểu hiện nôn, khát, khô cổ ở người uống rượu.

**Cách dùng:**

Người lớn: Ngày 2 lần, mỗi lần 20 ml. Nên uống 20 ml trước khi uống rượu 30 - 60 phút và 20 ml sau khi uống rượu.

**Quy cách:**

Hộp 10 gói x 20 ml.

*\*Lắc kỹ trước khi uống, có thể uống trực tiếp hoặc pha loãng với nước.*

## AN THẦN YB

### Thành phần:

Cao hỗn hợp thảo dược (Lạc tiên, Lá dâu, Lá vông nem), Bột Liên tâm, Bột Hoài sơn.

### Công dụng:

Hỗ trợ an thần, giúp dễ ngủ.

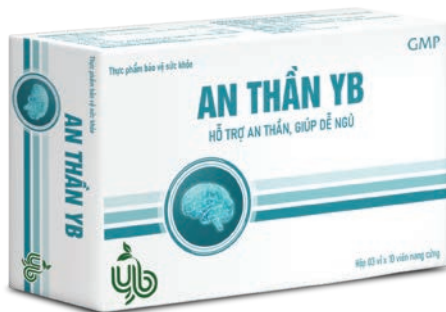
### Liều dùng, cách dùng:

Uống 3 viên/ngày.

Uống trước khi ngủ 30 - 60 phút.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



## AN XUÂN KHANG YB

### Thành phần:

Cao hỗn hợp thảo dược (Đàng sâm, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Bạch linh, Toan táo nhân, Long nhãn, Đại táo, Maca), Bột Mắm đậu nành, Bột Maca, Bột Hạt lanh, Bột Sâm tố nữ.

### Công dụng:

Hỗ trợ giảm các triệu chứng bốc hỏa, mất ngủ, khô da, suy giảm sinh lý do suy giảm sinh lý do suy giảm nội tiết tố nữ.

### Cách dùng:

Uống 2 viên x 2 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

## BỔ PHẾ YB

### Thành phần:

Bột Xuyên tâm liên, Cao hỗn hợp thảo dược (Bách bộ, Sinh Thạch cao, Cam thảo), bột Trần bì, bột Kinh giới.

### Công dụng:

Hỗ trợ bổ phế, hỗ trợ giảm ho, giảm đờm do viêm họng.

### Cách dùng:

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 viên.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



## BỔ THẬN YB

### Thành phần:

Cao hỗn hợp thảo dược (Đỗ trọng, Khiếm thực, Hà thủ ô đỏ, Ngưu tất, Ba kích, Nhục quế, Đảng sâm, Tiểu hồi), Bột Dâm dương hoắc, Bột Hoài sơn, Bột Sâm cau, Bột Mẫu lệ, Bột Cá ngựa.

### Công dụng:

Bổ thận tráng dương, hỗ trợ cải thiện sinh lý nam giới.

Hỗ trợ giảm triệu chứng: Đau lưng, mỏi gối, tiểu đêm nhiều lần do thận kém.

### Cách dùng:

Uống 2 viên x 2 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

## GIẢI ĐỘC GAN YB

### Thành phần:

Cao khô Cà gai leo, Cao hỗn hợp thảo dược (Kim ngân hoa, Bồ công anh, Bạch linh, Sâm đại hành, Ngưu bàng tử, Ké đầu ngựa), Bột Liên kiều.

### Công dụng:

Hỗ trợ thanh nhiệt, giải độc gan, bảo vệ gan, giảm triệu chứng mẩn ngứa, mề đay, mệt mỏi, vàng da do chức năng gan kém.

### Cách dùng:

2 viên x 3 lần/ngày.



### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

## HOẠT HUYẾT YB

### Thành phần:

Cao hỗn hợp thảo dược (Thực địa, Xích thực, Ngưu tất, Đan sâm, Xuyên khung, Hồng hoa, Đương quy, Ích mẫu, Chỉ xác, Sài hồ, Cam thảo), Bột Đương quy, Bột Đậu tương lên men, Cao khô Đinh lăng, Cao khô lá Bạch quả.

### Công dụng:

Hỗ trợ hoạt huyết, hỗ trợ giảm các triệu chứng đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, suy giảm trí nhớ do thiếu hồng cầu hoàn hảo.

### Cách dùng:

Uống 2 viên x 2 - 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.



## KIM TIỀN THẢO YB

### Thành phần:

Cao hỗn hợp thảo dược (Râu ngô, Cò xước, Cò nhọ nổi, Chuối hột, Râu mèo, Thục địa), Cao khô Kim tiền thảo, Bột Bạch thực.

### Công dụng:

Hỗ trợ lợi tiểu. Hỗ trợ giảm các triệu chứng tiểu rắt, tiểu buốt.

### Cách dùng:

Uống trước bữa ăn và uống với nhiều nước. Ngày uống 2 lần x 3 viên/ngày.



### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

## MỘC HOA TRẮNG YB

### Thành phần:

Cao khô (hỗn hợp thảo mộc thô: Chè dây, Bạch truyệt, Sa nhân), Cao Mộc hoa trắng, Cao Mộc Hương.

### Công dụng:

Hỗ trợ giảm các triệu chứng rối loạn tiêu hoá: đau bụng, đầy bụng, đi ngoài phân lỏng, phân sống do viêm đại tràng.

### Cách dùng:

Người lớn: Uống 1 viên/lần x 2 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 viên nén bao phim.



## TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB

### Thành phần:

Cao Trinh nữ hoàng cung, Cao Tam thất.

### Công dụng:

Hỗ trợ hạn chế sự phát triển của u xơ tử cung, u vú lành tính.

### Cách dùng:

Phụ nữ trưởng thành:

Uống 1 viên x 2 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 60 viên nang cứng.





GEDEON RICHTER



GEDEON  
RICHTER



# MYDOCALM

Giãn cơ trong các trường hợp đau cơ xương khớp.



### Thành phần:

MYDOCALM 150 MG	MYDOCALM 50 MG
Tolperisone HCL .....150 mg	Tolperisone HCL .....50 mg

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



# LISONORM

## Thành phần:

Lisinopril ..... 10 mg  
Amlodipine ..... 5 mg

## Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn.  
Trị liệu thay thế cho các bệnh nhân mà có huyết áp được kiểm soát bằng Lisinopril và Amlodipine dùng đồng thời với mức liều tương đương.

## Liều dùng, cách dùng:

Liều khuyến cáo là 1 viên/lần, 1 lần mỗi ngày.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.  
Thức ăn không có ảnh hưởng đến sự hấp thu thuốc nên có thể dùng thuốc trước, trong hoặc sau bữa ăn.

## Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

## LISONORM MEZO

### Thành phần:

Lisinopril .....20 mg  
Amlodipin .....5 mg

### Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn. Lisonorm Mezo được chỉ định điều trị thay thế ở những bệnh nhân trưởng thành có huyết áp đã được kiểm soát đầy đủ đồng thời bằng Lisinopril và Amlodipin với mức liều tương đương.

### Liều dùng:

Liều dùng được khuyến cáo là 1 viên/ngày.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## LISONORM FORTE

### Thành phần:

Lisinopril .....20 mg  
Amlodipin .....10 mg

### Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn người lớn. Trị liệu thay thế cho bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát đầy đủ bằng Lisinopril và Amlodipine với mức liều tương đương.

### Liều dùng:

Liều dùng được khuyến cáo là 1 viên/ngày.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



# PANANGIN

## Thành phần

Magnesi aspartat anhydrat .....140 mg

Kali aspartat anhydrat .....158 mg

## Liều dùng:

Liều thông thường hằng ngày là 3 đến 6 viên mỗi ngày, chia 3 lần.

Liều dùng hằng ngày có thể tăng lên đến 9 viên chia 3 lần.

## Quy cách:

Hộp 1 lọ x 50 viên nén bao phim.



## Chỉ định:

Bổ sung Kali và Magnesi trong:

Một số bệnh tim mạch tính như suy tim hoặc tình trạng sau nhồi máu cơ tim với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Một số tình trạng loạn nhịp tim (chủ yếu là loạn nhịp thất), với sự đồng ý của bác sĩ điều trị.

Các trường hợp không nạp đủ lượng ion hoặc mất điện giải, ví dụ khi sử dụng kéo dài các thuốc lợi tiểu làm mất kali như thuốc lợi tiểu thiazid hoặc thuốc lợi tiểu quai.

**Thành phần:**

REAGILA 1,5 MG	REAGILA 3 MG	REAGILA 4,5 MG	REAGILA 6 MG
Cariprazin ..... 1,5 mg	Cariprazin ..... 3 mg	Cariprazin ..... 4,5 mg	Cariprazin ..... 6 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tâm thần phân liệt ở bệnh nhân người lớn.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

**THUỐC  
PHÁT MINH**

# Reagila<sup>®</sup>

## Cariprazin



### ĐIỀU TRỊ TÂM THẦN PHÂN LIỆT

Reagila hiện được Bepharco độc quyền phát triển tại thị trường Việt Nam

## VEROSPIRON 25 MG

**Thành phần:**

Spirinolactone .....25 mg

**Chỉ định:**

Trong bệnh cường aldosterone tiên phát, phù do các nguyên nhân khác nhau (Phù nề kèm theo suy tim sung huyết, phù và/hoặc cổ trướng kèm theo xơ gan, hội chứng thận hư) tăng huyết áp vô căn, giảm kali huyết.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 1 vỉ x 20 viên nén.



## VEROSPIRON 50 MG

**Thành phần:**

Spirinolactone .....50 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp, phù do bệnh tim, gan, thận và bệnh cường aldosteron nguyên phát. Điều trị và phòng ngừa thiếu kali ở bệnh nhân dùng digitalis khi các biện pháp khác không hiệu quả.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng.

**Liều dùng:**

Nói chung, liều hằng ngày của Verospiron được dùng ngày một lần hoặc chia làm 2 lần, dùng thuốc sau bữa ăn. Khuyến cáo nên dùng liều hằng ngày hoặc liều đầu tiên trong ngày vào buổi sáng.



## CAVINTON 5 MG

**Thành phần:**

Vinpocetine ..... 5 mg

**Chỉ định:**

Giảm các triệu chứng tâm thần kinh của chứng sa sút trí tuệ do nguyên nhân mạch.

**Liều dùng:**

2 viên x 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 25 viên nén.



## CAVINTON FORTE

**Thành phần:**

Vinpocetin ..... 10 mg

**Liều dùng:**

1 viên x 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 15 viên nén.

**Chỉ định:**

**Điều trị các dạng khác nhau của rối loạn tuần hoàn máu não:**

Tình trạng sau đột quỵ, sa sút trí tuệ có nguyên nhân do mạch, vữa xơ động mạch não, bệnh não sau chấn thương và do tăng huyết áp, thoái hóa hệ sống nền. Thuốc làm giảm các triệu chứng tâm thần kinh do rối loạn tuần hoàn máu não. Điều trị rối loạn mao mạch mãn tính của võng mạc và mạch mạc. Điều trị bệnh giảm thính lực kiểu tiếp nhận, bệnh Ménière, ù tai.





## CAVINTON INJ

### Thành phần:

Vinpocetin ..... 10 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng của một số bệnh có kèm rối loạn tuần hoàn máu não.

Điều trị các triệu chứng thần kinh do rối loạn tuần hoàn não.

### Quy cách:

Hộp 10 ống 2 ml.

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

# TIM MẠCH

## BEATIL

### Thành phần:

BEATIL 4 MG/5 MG	BEATIL 8 MG/5 MG	BEATIL 4 MG/10 MG
Perindopril tert-butylamine 4 mg	Perindopril tert-butylamine 8 mg	Perindopril tert-butylamine 4 mg
Amlodipin.....5 mg	Amlodipin.....5 mg	Amlodipin.....10 mg

### Chỉ định:

Liệu pháp thay thế trong điều trị tăng huyết áp vô căn và hoặc bệnh mạch vành ổn định, những bệnh nhân đã được kiểm soát đồng thời bằng Perindopril và Amlodipin với mức liều tương ứng.

### Liều dùng:

Uống 1 viên/ngày.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## EDNYT 5 MG

**Thành phần:**

Enalapril maleate.....5 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp. Suy tim.  
Dự phòng các cơn thiếu máu mạch vành và suy tim có triệu chứng ở người bệnh suy thất trái.

**Liều dùng:**

Liều hằng ngày tối đa là 40 mg.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

## NORMODIPINE 5 MG

**Thành phần**

Amlodipin .....5 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp.  
Điều trị các cơn đau ở ngực: đau thắt ngực, đau thắt ngực Prinzmetal hiếm gặp hoặc các dạng đau thắt ngực khác.

**Liều dùng:**

Liều thông thường là một viên Normodipine 5 mg mỗi ngày.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## PANANGIN INJ

### Thành phần:

Magnesium aspartat ..... 400 mg  
Potassium aspartat ..... 452 mg

### Chỉ định:

Bổ sung kali và magesi trong một số bệnh tim mạn tính (suy tim, tình trạng sau nhồi máu cơ tim), rối loạn nhịp tim, bổ trợ trong điều trị bằng digitalis.

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 5 ống 10 ml.



## TIÊU HÓA - GAN MẬT

## QUAMATEL

### Thành phần:

Famotidin ..... 20 mg

### Chỉ định:

Loét tá tràng. Loét dạ dày lành tính.  
Bệnh trào ngược dạ dày thực quản.  
Các tình trạng tăng tiết  
(ví dụ: hội chứng Zollinger-Ellison).  
Phòng tình trạng loét phải acid dịch vị trong gây mê (hội chứng Mendelson).

### Liều dùng:

Liều khuyến cáo là 20 mg, tiêm tĩnh mạch 2 lần/ngày (1 lần/mỗi 12 giờ).  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 5 lọ thuốc bột + 5 ống dung môi.



## OXYTOCIN INJ

**Thành phần:**

Mỗi ống dung dịch tiêm 1 ml chứa:

Oxytocin ..... 5 IU

**Liều dùng:**

Liều lượng phải được điều chỉnh theo yêu cầu từng cá thể trên cơ sở đáp ứng của mẹ và thai nhi.

**Chỉ định:**

Oxytocin được chỉ định để gây hoặc tăng co thắt tử cung.

**Quy cách:**

Hộp 20 vỉ x 5 ống x 1 ml.



## HỒ HẤP

## DIAPHYLLIN VENOSUM

**Thành phần:**

Theophyllin-ethylendiamin ..... 240 mg

**Chỉ định:**

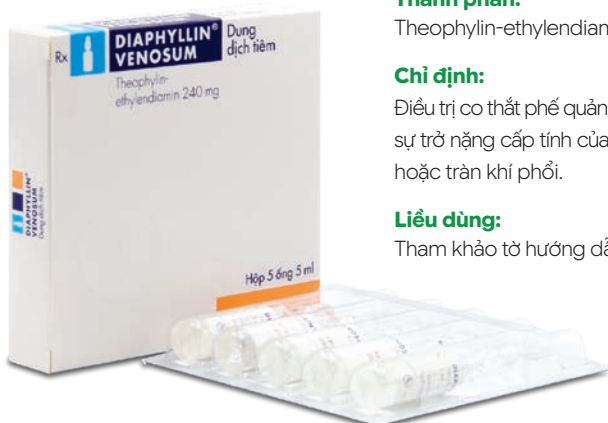
Điều trị co thắt phế quản liên quan đến hen phế quản, sự trở nặng cấp tính của chứng viêm phế quản mạn, hoặc tràn khí phổi.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 5 ống x 5 ml.





# Halixol<sup>®</sup>

**Thành phần:**

Mỗi 100 ml siro chứa:

Ambroxol hydrochloride ..... 300 mg

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 100 ml.



**Chỉ định:**

Các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mạn tính như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản liên quan đến sự tiết chất nhầy và đờm bất thường.

Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi họng.

# HALIXOL

**Thành phần:**

Ambroxol hydrochloride .....30 mg

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Chỉ định cho các bệnh tắc nghẽn đường hô hấp cấp tính và mãn tính

như hen phế quản và viêm phế quản, giãn phế quản do sản sinh quá nhiều nhầy và đờm. Tăng cường hòa tan dịch nhầy trong các bệnh viêm mũi - họng.





# RILEPTID

**Thành phần:**

Risperidone.....1 mg

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim.

**Chỉ định:**

Rileptid được chỉ định trong điều trị bệnh tâm thần phân liệt. Rileptid được dùng để điều trị các cơn hưng cảm vừa đến nặng trong rối loạn lưỡng cực.

Rileptid được chỉ định trong điều trị ngăn ngừa (cho đến 6 tuần) chứng gầy hấn kéo dài ở bệnh nhân sa sút trí tuệ vừa đến nặng do bệnh Alzheimer mà không đáp ứng với các biện pháp không dùng thuốc và khi có nguy cơ gây hại cho bản thân hay cho người khác.

## CLOSTILBEGYT

**Thành phần:**

Clomiphene citrate ..... 50 mg

**Chỉ định:**

Kích thích rụng trứng trong chu kỳ không rụng trứng, mục đích để có thai. Rối loạn rụng trứng do thương tổn trung tâm của vùng hạ đồi. Vô kinh thứ phát do các nguyên nhân khác, thiếu kinh, vô kinh sau khi dùng thuốc tránh thai. Thiếu tinh trùng.



**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 1 vỉ x 10 viên nén.

## KHÁNG DỊ ỨNG

## POLLEZIN

**Thành phần:**

Levocetirizine dihydrochloride .....5 mg

**Chỉ định:**

Điều trị triệu chứng đi kèm với các tình trạng dị ứng:  
Viêm mũi dị ứng theo mùa (bao gồm cả các triệu chứng ở mắt).  
Viêm mũi dị ứng quanh năm.  
Mày đay mạn tính.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 7 viên nén bao phim.





*Raptakos Brett & Co. Ltd*



RAPTAPOS

# NEOPEPTINE

Chỉ định đầy hơi, khó tiêu  
do rối loạn men, biếng ăn,  
ăn không tiêu, tiêu hóa kém,  
bụng trướng hơi, tiêu phân sống.

**Thành phần:**

Alpha amylase ..... 100 mg  
Papain ..... 100 mg  
Simethicone ..... 30 mg

**Liều dùng:**

Uống 1 viên x 2 lần/ngày (sau ăn).

**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang.





# SUBSYDE-M

Được chỉ định làm giảm triệu chứng đau, sưng nề và viêm trên các bệnh nhân bị bệnh cơ xương khớp như:

Căng cơ, đau cổ, tay, vai, viêm khớp, gân cơ, bong gân, đau thắt lưng, cột sống, dây thần kinh tọa.

**Thành phần:**

Diclofenac Diethylamin B.P. ....	1,16% t/tl
Dầu Lạnh B.P. ....	3,00% t/tl
Methyl Salicylat B.P. ....	10,00% t/tl
Menthol U.S.P. ....	5,00% t/tl

**Quy cách:**

Hộp 1 tuýp x 20 g.





# TRYMO TABLETS

## Thành phần:

Bismuth subcitrat dạng keo tương đương:  
Bismuth trioxid ..... 120 mg

## Liều dùng:

Uống 2 viên x 2 lần/ngày.

## Điều trị *Helicobacter pylori*:

1 viên x 4 lần/ngày trong 2 tuần.

## Chỉ định:

Loét tá tràng. Đợt cấp của viêm dạ dày mạn tính. Loét dạ dày lành tính.  
Chứng khó tiêu không loét. Có thể dùng Bismuth subcitrate dạng keo (TRYMO) trong tam liệu pháp (với Metronidazole và Tetracyclin hay Amoxicillin) để loại trừ *Helicobacter pylori*.

**Thành phần:**

Clotrimazole ..... 1 %

**Liều dùng:**

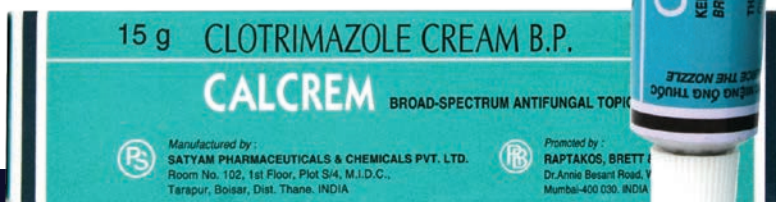
Bôi ngoài da ngày 2 lần.

Tránh bôi vào mắt - mũi - miệng.

**Quy cách:**

Hộp 1 tuýp 15 g.

# CALCREM



Bôi ngoài trị nấm da,  
nấm Candida và lang ben.

Chứng viêm quanh móng,  
hăm lở da, hăm tã lót do  
vi nấm và viêm qui đầu.

# ZYTEE RB

Chỉ định dùng làm giảm đau răng, viêm lưỡi, viêm miệng, loét miệng, các tổn thương khác ở miệng và kích ứng răng giả.

**Thành phần:**

Cholin salicylat ..... 9,00 % t/tt  
Clorua benzalkonium ..... 0,02 % t/tt

**Liều dùng:**

Nhỏ 1 - 2 giọt keo lên đầu ngón tay và xoa nhẹ lên vùng bị tổn thương. Có thể lặp lại 3 - 4 giờ/lần.



**Quy cách:**

Hộp 1 tuýp 10 ml.

# MINIGADINE

## Thành phần:

Lactobionat Calci U.S.P. ....	700 mg
Citrat Ammoni Sắt III U.S.P. ....	15 mg
Sulphat Kẽm B.P. ....	22,5 mg
Hexahydrat Clorua Mangan B.P. ....	42,5 mg
Monohydrat Sulphat Mangan B.P. ....	6 mg
Pepton I-ốt hóa.....	0,5 mg

## Chỉ định:

Dùng phòng ngừa tình trạng thiếu vi chất ở trẻ em: biếng ăn, kém phát triển do dinh dưỡng, chậm phát triển tâm thần.

## Liều dùng:

- Trẻ em từ 1 - 6 tuổi:  
2,5 ml (nửa muỗng cà phê),  
ngày hai lần.
- Trẻ em từ 7 - 15 tuổi:  
5 ml (một muỗng cà phê),  
ngày hai lần.

## Quy cách:

Hộp 1 lọ 120 ml.



MEDEXPORT  
ITALIA



MEDEXPORT

# DAYTRIX 1 G

Ceftriaxon 1 g



### Thành phần:

Mỗi lọ bột chứa:

Ceftriaxon .....1 g

### Quy cách:

Hộp 10 lọ thuốc bột.

### Chỉ định:

Ceftriaxon được chỉ định điều trị các bệnh nhiễm khuẩn sau đây ở người lớn và trẻ em bao gồm trẻ sơ sinh ở độ tuổi nhất định (từ khi sinh):

Viêm màng não do vi khuẩn; Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng; Viêm phổi mắc phải ở bệnh viện; Viêm tai giữa cấp tính; Nhiễm khuẩn ổ bụng; Nhiễm khuẩn đường tiết niệu phức tạp (bao gồm cả viêm thận); Nhiễm khuẩn xương khớp; Nhiễm khuẩn da và mô mềm phức tạp; Lậu; Giang mai; Viêm nội tâm mạc do vi khuẩn.

### Liều dùng, cách dùng:

Liều phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng, tính nhạy cảm, vị trí và loại nhiễm khuẩn và phụ thuộc vào tuổi và chức năng gan, thận của bệnh nhân.

### Thành phần:

Mỗi lọ bột chứa:

Ceftriaxon .....1 g

Mỗi ống dung môi chứa:

Tá dược: Lidocain hydroclorid, nước cất pha tiêm vừa đủ .....3,5 ml

### Quy cách:

Hộp 1 lọ thuốc bột và 1 ống dung môi.

**Thành phần:**

Ceftazidime .....1 g

**Liều dùng, cách dùng:**

Ceftazidime được dùng tiêm bắp sâu hoặc tiêm tĩnh mạch.

Liều dùng tùy thuộc mức độ trầm trọng, độ nhạy cảm và loại nhiễm trùng cũng như tuổi tác, cân nặng và chức năng thận của người bệnh và phải được bác sĩ giám sát.

**Chỉ định:**

Điều trị trong nhiễm khuẩn nặng được xác định hoặc nghi ngờ khó điều trị do vi khuẩn Gram âm gây nên hoặc nhiễm khuẩn hỗn hợp trong đó có vi khuẩn Gram âm đã kháng các kháng sinh thông thường, đặc biệt bệnh nhân có thể trạng yếu/ hoặc suy giảm miễn dịch.

Dự phòng trong phẫu thuật:

Giảm tỷ lệ nhiễm trùng sau phẫu thuật.

# DELTAZIME

Ceftazidime 1 g

**Kháng sinh cephalosporin thế hệ 3**



**Quy cách:**

Hộp 10 lọ thuốc bột.



# TRINITRINA®

Nitroglycerine 5 mg / 1.5 mL

**Thành phần:** Mỗi ống (1.5 ml) chứa:  
Hoạt chất: Nitroglycerin .....5 mg  
Tá dược: Ethanol, Nước pha tiêm.

**Quy cách:** Hộp 10 ống x 1.5 mL



DELOBIS

# FLUCOZAL 150

Fluconazole 150 mg

THUỐC KHÁNG NẤM DÙNG TOÀN THÂN



Hộp 1 vỉ x 1 viên

**Thành phần:** Fluconazole .....150 mg

**Liều dùng:** Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

# FLOXAVAL 500 MG

## Levofloxacin

**ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN  
DO CÁC VI KHUẨN NHẠY CẢM VỚI LEVOFLOXACIN**

- ↙ *Hấp thu nhanh  
và gần như hoàn toàn*
- ↙ *Sinh khả dụng tuyệt đối  
99 -100%*



**Hộp 1 vỉ x 10 viên**

**Thành phần:** Levofloxacin .....500 mg

**Chỉ định:** FLOXAVAL được chỉ định cho người lớn để điều trị các nhiễm khuẩn sau:  
Viêm phổi mắc phải cộng đồng.  
Nhiễm khuẩn da và mô mềm có biến chứng.  
Nhiễm khuẩn niệu có biến chứng và viêm bể thận, viêm tiền liệt tuyến mạn tính do vi khuẩn.

**Liều dùng:** Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



PRO.MED.CS  
Praha a.s.



PRO.MED.CS  
PRAHA A.S.

# BISOTEXA

bisoprolol fumarate

2,5 mg  
5 mg  
10 mg

**ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP, ĐAU THẮT NGỰC, SUY TIM MẠN ỔN ĐỊNH KÈM SUY GIẢM CHỨC NĂNG TÂM THẮT TRÁI, PHỐI HỢP VỚI THUỐC ỨC CHẾ MEN CHUYỂN (ACEI), THUỐC LỢI TIỂU VÀ CÁC GLYCOSID TIM.**

**Thành phần:**

BISOTEXA 2,5 MG	BISOTEXA 5 MG	BISOTEXA 10 MG
Bisoprolol fumarate .....2,5 mg	Bisoprolol fumarate .....5 mg	Bisoprolol fumarate .....10 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp. Điều trị đau thắt ngực.  
Điều trị suy tim mạn ổn định kèm suy giảm chức năng tâm thất trái, phối hợp với thuốc ức chế men chuyển (ACEI), và thuốc lợi tiểu, và các glycosid tim.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên.

# COMBISO

## Thành phần:

COMBISO 5 MG/ 6,25 MG	COMBISO 10 MG/ 6,25 MG
Bisoprolol fumarate .....5 mg	Bisoprolol fumarate .....10 mg
Hydrochlorothiazide.....6,25 mg	Hydrochlorothiazide.....6,25 mg

## Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp nhẹ đến trung bình.

## Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

## Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.





HANLIM



# PHILTOBAX®

Eye Drops Tobramycin

DUNG DỊCH NHỎ MẮT

ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN BÊN NGOÀI VÀ CÁC PHẦN PHỤ  
CỦA MẮT GÂY RA DO CÁC CHỦNG VI KHUẨN NHẠY CẢM



Hộp 1 lọ x 5 ml

**Thành phần:** Mỗi lọ 5 ml chứa:

Tobramycin ..... 15 mg

**Chỉ định:**

Kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn ngoài nhãn cầu và các phần phụ của mắt gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



PHARMALINK

DUNG DỊCH XỊT MŨI  
**free NOSE**®

**XỊT MŨI NƯỚC BIỂN ƯU TRƯƠNG  
FREE NOSE HYPERTONIC**

**+3** Tháng tuổi



**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 120 ml.



**XỊT MŨI NƯỚC BIỂN ĐẲNG TRƯƠNG  
FREE NOSE ISOTONIC**

**+0** Tháng tuổi



**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 120 ml.

**VỆ SINH MŨI HÀNG NGÀY**  
**GIỮ ẤM VÙNG MŨI**  
**GIẢM NGHỆT MŨI SỐ MŨI**

**THÂN THIỆN VỚI TRẺ SƠ SINH**



**Thành phần:**

Nước biển và nước tinh khiết

(Natri clorid ..... 2,2 %)

**Chỉ định:**

Xịt mũi Nước biển ưu trương được sử dụng cho trẻ em từ 3 tháng tuổi và người lớn, trong các trường hợp như: nhiễm khuẩn niêm mạc mũi họng, chảy nước mũi, nhiễm khuẩn xoang cạnh mũi và chứng ngứa do khô niêm mạc. Bên cạnh việc làm sạch cơ học và làm thông thoáng đường hô hấp trên, tác dụng thẩm thấu còn giúp giảm sưng - phù nề niêm mạc mũi.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Thành phần:**

Nước biển và nước tinh khiết

(Natri clorid ..... 0,9 %)

**Chỉ định:**

Xịt mũi nước biển đẳng trương vệ sinh mũi hàng ngày ở trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. Hỗ trợ điều trị: viêm mũi họng, viêm mũi tắc nghẽn, viêm xoang, chứng khô mũi, khàn tiếng do niêm mạc mũi bị khô, hỗ trợ trong điều trị các bệnh thuộc khoa Tai mũi họng và khoa Nhi.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

# Vitalink D<sub>3</sub> drops

**Thành phần:**

Mỗi giọt chứa:

Vitamin D<sub>3</sub> .....5 µg  
(tương đương 200 IU)

**Công dụng:**

Hỗ trợ tăng cường hấp thu canxi và photpho.  
Hỗ trợ xương, răng chắc khỏe.  
Hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương ở người lớn.

**Cách dùng:**

**Trẻ dưới 1 tuổi:** Tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng.  
**Trẻ từ 1 tuổi:** uống 2 giọt/ngày (vitamin D<sub>3</sub> 10 µg).

 **VITAMIN D<sub>3</sub>**  
NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN

 **ĐẦU Ô LIU**  
NGUYÊN CHẤT

**Quy cách:**  
Hộp 1 chai x 20 ml.

**HỖ TRỢ XƯƠNG RĂNG CHẮC KHỎE**  
**BÉ VUI VẺ - MẸ AN TÂM**





**Healthcare  
Australia**



**HEALTHCARE  
AUSTRALIA**

 **LIPA** PHARMACEUTICALS  
*Where new ideas grow*

# OKVITKA

Calci carbonat 750 mg / Cholecalciferol 5 mcg

**Bổ sung Calci và Vitamin D3  
hỗ trợ giảm nguy cơ loãng xương**



**Thành phần:**

Calci carbonat ..... 750 mg  
Cholecalciferol ..... 5 mcg

**Chỉ định:**

Bổ sung Calci và Vitamin D trong trường hợp thiếu calci do chế độ ăn uống, giảm nguy cơ mắc loãng xương do thiếu calci. Hỗ trợ giảm nguy cơ giảm mật độ xương, gãy xương do loãng xương.

**Cách dùng:**

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**  
1 - 2 viên/lần x 2 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



DAVAC





BIOPHARCO



# EnteroGolds | EnteroGran

## BỔ SUNG LỢI KHUẨN ĐƯỜNG RUỘT KHỎE MẠNH

Điều trị hỗ trợ để  
phục hồi hệ vi sinh đường ruột  
bị ảnh hưởng khi dùng thuốc  
kháng sinh hoặc hóa trị

2 TỶ  
BÀO TỬ VI KHUẨN



### ENTEROGRAN

#### Thành phần:

*Bacillus Clausii* ..... 2 tỷ lợi khuẩn  
Tá dược (Lactose, Glucose, Hương sữa)  
vừa đủ ..... 1 g

#### Liều dùng:

Trẻ em: 1 gói x 1 - 2 lần/ngày.  
Trẻ em bị tiêu chảy, phân sống:  
1 gói x 3 lần/ngày.  
Người lớn: 1 gói x 3 - 4 lần/ngày.

#### Quy cách:

Hộp 20 gói x 1 g.

#### Chỉ định:

Điều trị và phòng ngừa rối loạn vi sinh đường ruột và bệnh lý kém hấp thu vitamin; Hỗ trợ phục hồi hệ vi sinh đường ruột bị ảnh hưởng khi dùng thuốc kháng sinh hoặc hóa trị. Rối loạn tiêu hóa cấp và mạn tính.

### ENTEROGOLDS

#### Thành phần:

*Bacillus clausii* ..... 2 tỷ lợi khuẩn  
Tá dược (Lactose, Magnesi stearat, Glucose)  
vừa đủ ..... 500 mg

#### Liều dùng:

Trẻ em từ 6 tuổi trở lên:  
Uống mỗi lần 1 viên x 1 - 2 lần/ngày.  
Người lớn: uống mỗi lần 1 viên x 3 - 4 lần/ngày.

#### Quy cách:

Hộp 6 vỉ x 10 viên.  
Hộp 1 lọ x 60 viên.



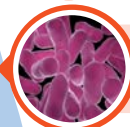
**Thành phần:**

Men vi sinh *Lactobacillus*



***L. acidophilus***

$10^6 - 10^7$  CFU



***L. sporogenes***

$10^6 - 10^7$  CFU



***L. kefir***

$10^6 - 10^7$  CFU

# BIOLAC

Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống, giúp cân bằng và phục hồi nhanh hệ vi sinh vật đường ruột.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.



Hộp 1 chai x 100 viên nang



Hộp 10 gói x 1 gam



Hộp 10 vỉ x 10 viên nang

## BIOSUBTYL-II

**Thành phần:**

*Bacillus subtilis* .....  $10^7 - 10^8$  CFU

**Chỉ định:**

Điều trị rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy, táo bón, viêm ruột cấp và mãn tính, đi ngoài phân sống.

**Liều dùng:**

Người lớn: 2 - 4 gói/ngày.

Trẻ em: 1 - 2 gói/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 25 gói x 1 g.

Hộp 50 gói x 1 g.



## THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

## ORESOL-II

**Thành phần:**

Glucose khan ..... 2,70 g

Natri clorid ..... 0,52 g

Natri citrat dihydrat ..... 0,58 g

Kali clorid ..... 0,30 g

Hương cam vừa đủ ..... 4,15 g

**Công dụng:**

Bổ sung nước và điện giải.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 40 gói x 4,15 g.



## BIO THYMOLUS

### Thành phần:

Trong mỗi gói chứa:

<i>Bacillus subtilis</i> .....	$10^6 - 10^8$ CFU
<i>Bacillus clausii</i> .....	$10^6 - 10^8$ CFU
Thymomodulin .....	19,50 mg
Kẽm gluconat .....	2,2 mg
Vitamin B1 .....	0,57 mg
Vitamin B2 .....	0,48 mg
Vitamin B6 .....	0,52 mg
Vitamin PP .....	0,26 mg
L-lysine hydroclorid .....	44 mg

### Công dụng:

Bổ sung probiotic có lợi cho đường ruột và vitamin, giúp tăng cường chuyển hóa, tăng cường sức đề kháng, hỗ trợ duy trì và phục hồi sức khỏe tổng thể.

### Liều dùng:

Trẻ từ 6 tháng đến 1 tuổi: 1 gói/ngày.

Trẻ từ 1 tuổi đến 6 tuổi: 2 - 3 gói/ngày.

Trên 6 tuổi: 3 - 4 gói/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 gói x 3 g





MEYER - BPC

# DEXACIN



**Thành phần:**

Dexamethason .....0,5 mg

**Chỉ định:**

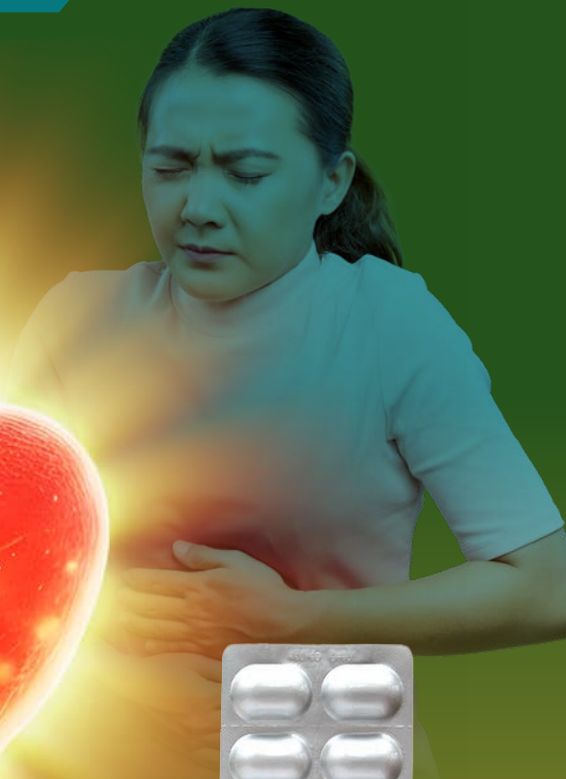
- **Dị ứng:** Sốc phản vệ, phù Quincke nghiêm trọng.
- **Nhiễm trùng:** Viêm thanh quản rít ở trẻ em; Sốt thương hàn nặng kèm sốt, lú lẫn, hôn mê.
- **Thần kinh:** Phù não do khối u, áp xe.
- **Tai mũi họng:** Viêm thanh quản khó thở.

**Liều dùng:**

Người lớn: 0,5 - 10 mg/ngày.  
Trẻ em: 0,01 - 0,1 mg/kg/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai 500 viên nén.



# MEYERAZOL

## Thành phần:

Omeprazol..... 20 mg

## Chỉ định:

Điều trị loét dạ dày - tá tràng, bệnh trào ngược dạ dày - thực quản, hội chứng Zollinger - Ellison.

## Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

## Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang chứa hạt bao tan trong ruột.

# FOSTERVITA

## Thành phần:

Thiamin mononitrat .....100 mg  
Pyridoxin hydroclorid ..... 200 mg  
Cyanocobalamin ..... 200 mcg

## Chỉ định:

Điều trị thiếu hụt vitamin nhóm B do dinh dưỡng hoặc do sử dụng với các thuốc kết hợp với vitamin nhóm này.

Dùng liều mạnh trong hội chứng đau nhức do thấp khớp hoặc thần kinh.

Chứng nghiện rượu và giải độc.

## Liều dùng:

Từ 12 tuổi: 1 viên/ngày.

## Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim



## BECORAC

**Thành phần:**

Acid mefenamic .....250 mg

**Chỉ định:**

Giảm đau trong trường hợp đau do thần kinh từ nhẹ đến trung bình, nhức đầu, đau nửa đầu, đau sau chấn thương, đau sau khi sinh, đau sau khi mổ, đau răng, đau hạ vị.

Đau và sốt kèm theo sau các trình trạng viêm, đau bụng kinh.

**Liều dùng:**

**Người lớn:** 2 viên x 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## BEFADOL EXTRA

**Thành phần:**

Paracetamol ..... 500 mg

Cafein ..... 65 mg

**Chỉ định:**

Điều trị triệu chứng cảm cúm:

Đau đầu, sốt, đau họng,  
đau nhức cơ.

**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.

**Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:**

1 - 2 viên/lần, 4 - 6 giờ/lần,

không quá 8 viên/ngày.



## BEFADOL PLUS

**Thành phần:**

Paracetamol .....650 mg

**Chỉ định:**

Giảm đau nhẹ và vừa trong các chứng nhức đầu, đau nhức xương khớp, đau nhức do cảm cúm, đau bụng kinh, hạ sốt.

**Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi:**

1 viên x 3 lần/ngày, 4 - 6 giờ/lần, không quá 6 viên/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 10 viên nén bao phim.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## MEFENAMIC

**Thành phần:**

Acid mefenamic .....500 mg

**Chỉ định:**

Giảm đau từ nhẹ đến trung bình như đau cơ, nhức đầu, đau do chấn thương, đau hậu phẫu, đau bụng kinh, đau răng.

**Liều dùng:**

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**

1 viên x 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén



## MELOXICAM

### Thành phần:

Meloxicam .....7,5 mg

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.

### Chỉ định:

Meloxicam được chỉ định điều trị triệu chứng của:

- Viêm xương khớp (thoái hoá khớp).
- Viêm khớp dạng thấp.
- Viêm khớp dạng thấp thiếu niên ở bệnh nhân có cân nặng từ 60 kg trở lên.

### Liều dùng:

Uống 1 - 2 viên x 1 lần/ngày.



## PIROXICAM

### Thành phần:

Piroxicam ..... 20 mg

### Liều dùng:

Liều khuyến cáo là 20 mg, dùng một lần duy nhất mỗi ngày.

Tham khảo thêm tờ hướng dẫn sử dụng.

### Chỉ định:

Sử dụng ngắn hạn để điều trị triệu chứng trong các trường hợp sau:

- Viêm khớp dạng thấp và viêm xương khớp, thoái hoá khớp.
- Viêm cột sống dính khớp, bệnh cơ xương cấp và chấn thương trong thể thao.
- Thống kinh và đau sau phẫu thuật.
- Bệnh gút cấp.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 100 viên nang cứng.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



## MEPRED 4

**Thành phần:**

Methylprednisolon ..... 4 mg

**Chỉ định:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## MEPRED 16

**Thành phần:**

Methylprednisolon ..... 16 mg

**Chỉ định:**

Mepred 16 được chỉ định trong các trường hợp đòi hỏi tác dụng của glucocorticoid như: Rối loạn nội tiết, rối loạn do thấp khớp, bệnh hệ thống tạo keo, bệnh thuộc về da.

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## PREDNISOLONE

**Thành phần:**

Prednisolon .....5 mg

**Chỉ định:**

Chống viêm, ức chế miễn dịch trong các bệnh: viêm khớp dạng thấp, lupus ban đỏ toàn thân, một số thể viêm mạch, bệnh Sarcoid, hen phế quản, viêm loét đại tràng, thiếu máu tan huyết, giảm bạch cầu hạt và những bệnh dị ứng nặng gồm cả phản vệ.

**Liều dùng:**

Người lớn: 5 - 60 mg/ngày.

Trẻ em: 0,14 - 2 mg/kg thể trọng/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 1 chai x 500 viên nén.



## HÔ HẤP

## BECOBROL 30

**Thành phần:**

Ambroxol hydroclorid .....30 mg

**Chỉ định:**

Làm loãng chất nhầy (hoặc đờm) và tăng thanh thải chất nhầy.

Bệnh cấp và mãn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch đặc biệt là trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen.

Bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng các biến chứng ở phổi.

**Liều dùng:**

Từ 5 - 10 tuổi: ½ viên x 2 - 3 lần/ngày.

Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi:

1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén.



## BECOCYSTEIN

### Thành phần:

Acetylcystein .....200 mg

### Chỉ định:

Được chỉ định làm thuốc tiêu chất nhầy trong bệnh hen suyễn, bệnh lý hô hấp có đờm nhầy quánh như trong viêm phế quản cấp và mạn, làm sạch đường quy trong mỡ khí quản.

### Liều dùng:

Người lớn và Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 3 lần/ngày.

Từ 2 - 6 tuổi: 1 viên x 2 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.



## DEXTROMETHORPHAN 10 MG

### Thành phần:

Dextromethorphan hydrobromid..... 10 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng ho do họng và phế quản bị kích thích khi cảm lạnh thông thường hoặc khi hít phải chất kích thích.

Ho không có đờm, mạn tính.

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 100 viên nang cứng.



# ALLER FORT

### Thành phần:

Clorpheniramin maleat ..... 2 mg  
Phenylephrin hydroclorid ..... 10 mg

### Chỉ định:

Điều trị viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm, viêm mũi vận mạch do histamin, sổ mũi, viêm kết mạc dị ứng, sung huyết mũi.

### Liều dùng:

**Người lớn:** 1 viên x 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài bao phim.  
Hộp 1 chai x 100 viên nén dài bao phim.



# CLORPHENIRAMIN 4 MG

### Thành phần:

Clorpheniramin maleat ..... 4 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng dị ứng ở người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên như: Mày đay, viêm mũi vận mạch do Histamin, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp xúc, phù mạch, phù Quincke, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết thanh; côn trùng đốt; thủy đậu.



### Liều dùng:

**Từ 6 - 12 tuổi:** ½ viên/mỗi 4 - 6 giờ.  
**Trên 12 tuổi:** 1 viên/mỗi 4 - 6 giờ.

### Quy cách:

Hộp 1 chai x 500 viên nén.

## BECOHISTA

### Thành phần:

Cetirizin dihydroclorid .....10 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng quanh năm, viêm mũi theo mùa, mày đay tự phát mạn tính, hắt hơi, chảy nước mũi, viêm kết mạc dị ứng, dị ứng da, ngứa, phụ trợ trong điều trị hen.

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## CETIRIZIN

### Thành phần:

Cetirizin dihydroclorid ..... 10 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng dai dẳng, viêm mũi theo mùa, mày đay tự phát mạn tính.

### Quy cách:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

### Liều dùng:

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**

Uống liều duy nhất 10 mg/ngày.

**Trẻ em từ 6 đến 12 tuổi:**

Uống 5 mg x 2 lần/ngày.



## BECOSTURON

### Thành phần:

Cinnarizine ..... 25 mg

### Chỉ định:

Phòng say tàu xe.

Rối loạn tiền đình như chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn trong bệnh Ménière.

### Liều dùng:

Người lớn:

• **Phòng say tàu xe:**  
uống 1 viên, 2 giờ trước khi khởi hành.

• **Rối loạn tiền đình:**  
mỗi lần uống 1 viên, ngày dùng 3 lần.

**Trẻ em 5 - 12 tuổi:** dùng ½ liều người lớn.

### Quy cách:

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén.



## CORITYNE

### Thành phần:

Loratadin ..... 10 mg

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng của viêm mũi dị ứng và mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 2 tuổi có trọng lượng cơ thể trên 30 kg.

### Liều dùng:

Trên 12 tuổi:

Uống liều duy nhất 1 viên/ngày.

**Trẻ em 2 - 12 tuổi tùy theo cân nặng:**

• **Trọng lượng cơ thể trên 30 kg:**

Uống liều duy nhất 1 viên/ngày.

• **Trọng lượng cơ thể dưới 30 kg:**

Không khuyến cáo sử dụng.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## BEFATROPYL

**Thành phần:**

Piracetam .....800 mg



**Chỉ định:**

- Điều trị chứng chóng mặt.
  - Cải thiện một vài triệu chứng suy giảm trí tuệ bệnh lý ở người già như: suy giảm trí nhớ, kém tập trung, thiếu tỉnh táo, thay đổi khí sắc, rối loạn hành vi...
  - Điều trị sau cơn nhồi máu não hay chấn thương sọ não.
  - Điều trị hỗ trợ chứng khó đọc ở trẻ em.
- Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén dài bao phim.

## TIM MẠCH

## BECOTAREL

**Thành phần:**

Trimetazidin dihydroclorid ..... 20 mg

**Chỉ định:**

Chỉ định cho người lớn trong liệu pháp bổ sung/ hỗ trợ vào biện pháp trị liệu hiện có để điều trị triệu chứng ở bệnh nhân đau thắt ngực ổn định không được kiểm soát đầy đủ hoặc bệnh nhân không dung nạp với các liệu pháp điều trị đau thắt ngực khác.

**Liều dùng:**

1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

**Quy cách:**

Hộp 2 vỉ x 30 viên nén bao phim.



## DOMPERIDONE

**Thành phần:**

Domperidon .....10 mg

**Chỉ định:**

Điều trị ngắn hạn triệu chứng buồn nôn và nôn nặng do nhiều nguyên nhân khác nhau như sau dùng trị liệu điều trị ung thư, do Levodopa hoặc Bromocriptin trong điều trị bệnh Parkinson.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Liều hàng ngày tối đa của Domperidone là 80 mg/ngày.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.



## ESOPRAZOL

**Thành phần:**

Esomeprazol.....20 mg

**Chỉ định:**

Điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng.  
Hội chứng Zollinger - Ellison.  
Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang chứa hạt bao tan trong ruột.



## SORBITOL

### Thành phần:

Sorbitol ..... 5 g

### Chỉ định:

Điều trị triệu chứng táo bón và khó tiêu.

### Liều dùng:

Người lớn:

- Điều trị khó tiêu: 1 - 3 gói/ngày.
- Điều trị táo bón: 1 gói/ngày.

Trẻ em: 1/2 liều người lớn.

### Quy cách:

Hộp 20 gói x 5 g.



## SPAS-MEYER

### Thành phần:

Alverin citrat ..... 40 mg

### Chỉ định:

Chống đau cơ thắt cơ trơn ở đường tiêu hóa như hội chứng ruột kích thích bệnh đau túi thừa của ruột kết, đau do cơ thắt đường mật, cơn đau quận thận. Thống kinh nguyên phát.

### Liều dùng:

Trên 12 tuổi: 2 - 3 viên x 1 - 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## DROTACOLIC

### Liều dùng:

Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày.

Trẻ em trên 6 tuổi: 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Trẻ em 1 - 6 tuổi: ½ - 1 viên x 2 - 3 lần/ngày.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

## FORCLAMIDE

### Thành phần:

Glimepirid ..... 3 mg

Tá dược vừa đủ ..... 1 viên

### Chỉ định:

Tiểu đường không phụ thuộc insulin (type II) ở người lớn, khi nồng độ đường huyết không thể kiểm soát thỏa đáng được bằng chế độ ăn kiêng, tập thể dục và giảm cân nặng đơn thuần.

### Liều dùng:

Khởi đầu: 1 mg/ngày.

Tăng liều theo nồng độ đường huyết.

Trẻ em: 1/2 liều người lớn.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén dài.

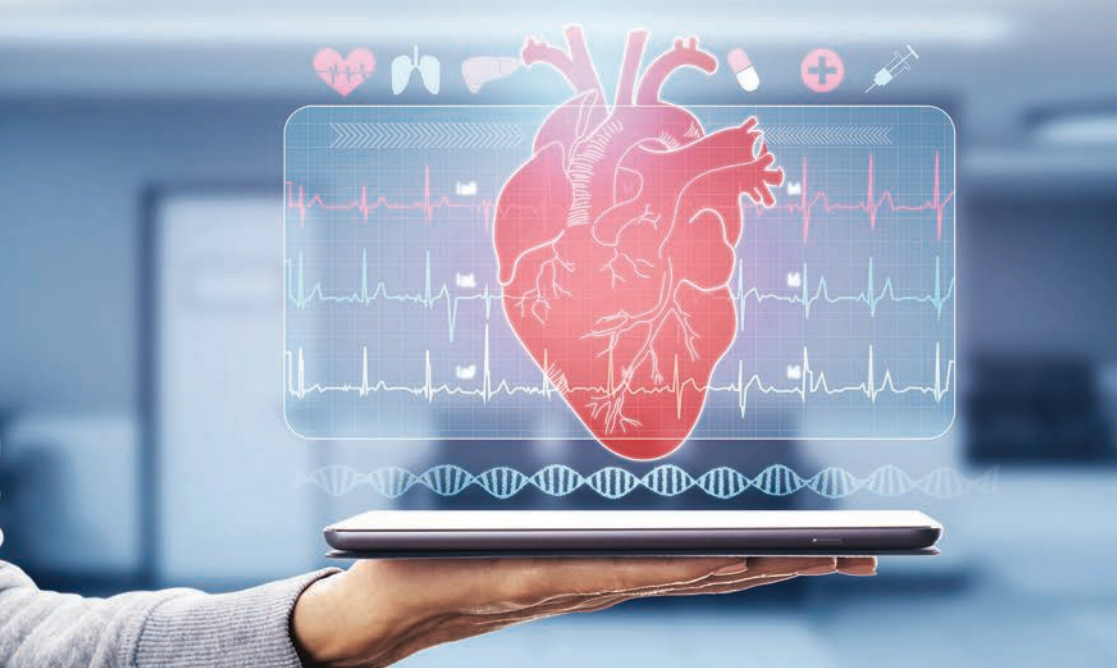


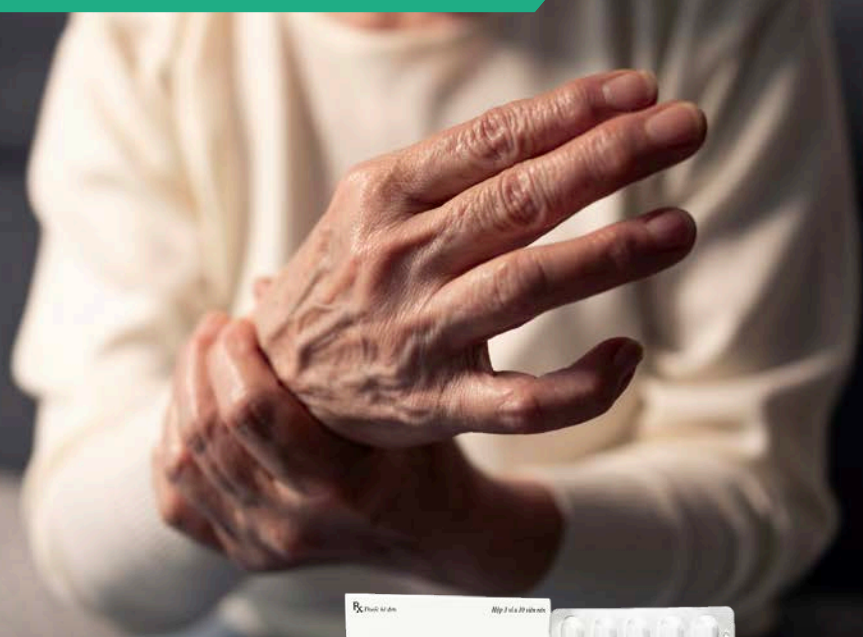


*DRP Inter*



DRP INTER





# FIRVOMEF

Điều trị hội chứng và bệnh Parkinson.

**Thành phần:**

FIRVOMEF 10/100 MG	FIRVOMEF 25/100 MG	FIRVOMEF 25/250 MG
Levodopa.....100 mg	Levodopa.....100 mg	Levodopa.....250 mg
Carbidopa.....10 mg	Carbidopa.....25 mg	Carbidopa.....25 mg

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

# ▶▶▶ VANADIA

**Thành phần:**

Vildagliptin ..... 50 mg

**Chỉ định:**

Điều trị đái tháo đường type II ở người lớn.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.



## TOFIPAM

### Thành phần:

Tofisopam .....50 mg

### Chỉ định:

Điều trị rối loạn tâm thần (thần kinh) và thực thể đi kèm lo âu, căng thẳng, rối loạn thực vật, thiếu năng lượng và động lực, lãnh đạm, mệt mỏi và tâm trạng chán nản.

Hội chứng cai rượu, các triệu chứng kích thích thực vật của các tình trạng tiền mê sảng hay mê sảng.

### Liều dùng:

#### Người lớn:

Uống 1 - 2 viên mỗi lần, từ 1 - 3 lần mỗi ngày.

#### Trẻ em:

Kinh nghiệm sử dụng thuốc còn hạn chế.



### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

# TIM MẠCH

## LOJECDAT

### Thành phần:

Nebivolol ..... 5 mg

Hydrochlorothiazide .....12,5 mg

### Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn.

Bệnh nhân có huyết áp được kiểm soát tốt khi sử dụng đồng thời Nebivolol 5 mg và Hydrochlorothiazide 12,5 mg.

### Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



# TRONISTAT

## Thành phần:

TRONISTAT 80/12,5 MG	TRONISTAT 160/12,5 MG	TRONISTAT 160/25 MG
Valsartan .....80 mg	Valsartan .....160 mg	Valsartan .....160 mg
Hydrochlorothiazide...12,5 mg	Hydrochlorothiazide...12,5 mg	Hydrochlorothiazide.....25 mg

## Chỉ định:

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.

Tronistat được chỉ định cho bệnh nhân có huyết áp không được kiểm soát đầy đủ với Valsartan hoặc Hydrochlorothiazide đơn trị liệu.

## Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

## Quy cách:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## VARIMAN

**Thành phần:**

Valsartan .....160 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi; Điều trị suy tim.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.



## VAZOLORE

**Thành phần:**

Valsartan .....80 mg

**Chỉ định:**

Điều trị tăng huyết áp nguyên phát ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi; Điều trị suy tim.  
Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Quy cách:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.





MEDLAC



## KETOMEDLAC

### Thành phần:

Mỗi lọ thuốc bột đông khô pha tiêm chứa:

Ketoprofen .....100,0 mg

Tá dược: Glycin, L-arginin

Mỗi ống dung môi Benzyl alcohol chứa:

Benzyl alcohol ..... 125 mg

Nước cất pha tiêm vừa đủ ..... 5 ml

Mỗi ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml chứa:

Nước cất pha tiêm ..... 5 ml

### Chỉ định:

Ketoprofen có tác dụng giảm đau và chống viêm, được dùng cho người lớn và trẻ em từ 15 tuổi trở lên để:

**Điều trị ngắn hạn các triệu chứng:**

• Viêm khớp dạng thấp

• Đau lưng dưới cấp

• Đau dây thần kinh

**Điều trị các cơn đau do ung thư.**

### Liều dùng:

Từ 1 đến 2 lọ, tức 100 - 200 mg/ngày

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

### Quy cách:

- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml.
- Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 10 ống dung môi Benzyl alcohol.
- Hộp 10 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm và 1 ống dung môi Nước cất pha tiêm 5 ml.





# Diclofenac 75mg

## Thành phần:

Diclofenac natri ..... 75 mg

## Chỉ định:

Điều trị dài ngày các loại viêm khớp mạn:

Viêm đốt sống cứng khớp, thoái hóa khớp,  
viêm đa khớp dạng thấp. Thống kinh nguyên phát.  
Đau cấp (viêm sau chấn thương, sưng nề) và đau mạn.

## Liều dùng:

**Người lớn:** 1 viên x 1 hoặc 2 lần/ngày.

Liều tối đa khuyến cáo của Diclofenac hàng ngày là 150 mg.

## Quy cách:

Hộp 1 chai x 100 viên bao tan trong ruột.

Hộp 10 vỉ x 10 viên bao phim tan trong ruột.



# Tel-gest

## Thành phần:

TEL-GEST 60 MG	TEL-GEST 180 MG
Fexofenadine HCl .....60 mg	Fexofenadine HCl .....180 mg

## Chỉ định:

Fexofenadine dùng điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn.

## Liều dùng:

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:** Liều thường dùng 60 mg x 2 lần/ngày hoặc 180 mg x 1 lần/ngày.

## Quy cách:

### Tel-gest 60 mg:

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

### Tel-gest 180 mg:

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim.





# ACIGMENTIN

Nhiễm khuẩn nặng đường hô hấp trên và hô hấp dưới;  
 Nhiễm khuẩn nặng đường tiết niệu - sinh dục;  
 Nhiễm khuẩn da và mô mềm; Nhiễm khuẩn xương và khớp;  
 Nhiễm khuẩn nha khoa; Nhiễm khuẩn khác.



## Thành phần:

ACIGMENTIN 625	ACIGMENTIN 1000
Amoxicillin.....500 mg	Amoxicillin.....875 mg
Acid clavulanic.....125 mg	Acid clavulanic.....125 mg

## Liều dùng:

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

## Quy cách:

Hộp 2 vỉ x 7 viên bao phim.



**Quy cách:**  
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng.

# ORABAKAN 200 MG

**Thành phần:**

Cefixim .....200 mg

**Liều dùng:**

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng.

**Chỉ định:**

Nhiễm khuẩn đường tiết niệu; Một số trường hợp viêm thận - bể thận, viêm tai giữa, viêm họng và amidan, viêm bàng quang, viêm niệu đạo do lậu; Viêm phế quản cấp và mạn tính; Viêm phổi mắc phải tại cộng đồng thể nhẹ và vừa.



SPOMEDIC



# EnteroGO®

*Bacillus clausii* • *Bacillus subtilis*

**Thành phần:**

Mỗi 5 ml hỗn dịch chứa:

*Bacillus clausii* ..... 3 tỷ bào tử

*Bacillus subtilis* ..... 0,5 tỷ bào tử

**Công dụng:**

Bổ sung lợi khuẩn, giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột; Hỗ trợ làm giảm rối loạn tiêu hóa do loạn khuẩn đường ruột.

**Liều dùng:**

Trẻ từ 6 tháng - 12 tuổi: 5 ml/ngày.

Từ 12 tuổi trở lên: 5 - 10 ml/ngày.

Dùng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

**Quy cách:**

Hộp 4 vỉ x 5 ống x 5 ml.



**BỔ SUNG LỢI KHUẨN  
ĐƯỜNG RUỘT KHỎE MẠNH**

# DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

## ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

FORCLAMIDE .....	MEYER - BPC
VANADIA .....	DRP INTER

## GIẢM ĐAU - HẠ SỐT - KHÁNG VIÊM

BEFADOL KID (GÓI)   (CHAI).....	BEPHARCO
SUBSYDE-M .....	RAPTAKOS
BECORAC .....	MEYER - BPC
BEFADOL EXTRA .....	MEYER - BPC
BEFADOL PLUS (VÍ)   (CHAI) .....	MEYER - BPC
MELOXICAM .....	MEYER - BPC
MEFENAMIC.....	MEYER - BPC
PIROXICAM (LỎ)   (VÍ).....	MEYER - BPC
KETOMEDLAC.....	MEDLAC
DICLOFENAC 75 MG (LỎ)   (VÍ) .....	MIPHARMCO

## GIÃN CƠ

MYDOCALM 50 MG   150 MG .....	GEDEON RICHTER
-------------------------------	----------------

## HỒ HẤP

BECABROL (GÓI)   (CHAI).....	BEPHARCO
KIDIFUNVON .....	BEPHARCO
DIAPHYLLIN VENOSUM INJ .....	GEDEON RICHTER
HALIXOL .....	EGIS
HALIXOL SIRO 100 ML.....	EGIS
BECOBROL 30 .....	MEYER - BPC
BECOCYSTEIN .....	MEYER - BPC
DEXTROMETHORPHAN 10 MG.....	MEYER - BPC

## HORMON - NỘI TIẾT

OXYTOCIN INJ .....	GEDEON RICHTER
CLOSTILBEGYT .....	EGIS
DEXACIN .....	MEYER - BPC
MEPRED 4 .....	MEYER - BPC
MEPRED 16 .....	MEYER - BPC
PREDNISOLONE .....	MEYER - BPC

## KHÁNG DỊ ỨNG

BECOLORAT .....	BEPHARCO
POLLEZIN .....	EGIS
ALLER FORT (VÍ)   (LỎ) .....	MEYER - BPC
BECOHISTA .....	MEYER - BPC
BECOSTURON .....	MEYER - BPC
CETIRIZIN .....	MEYER - BPC
CLORPHENIRAMIN 4 MG .....	MEYER - BPC
CORITYNE .....	MEYER - BPC
TEL-GEST 60 MG   180 MG .....	MIPHARMCO

# DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

## KHÁNG KHUẨN - KHÁNG NẤM

CALCREM .....	RAPTAKOS
ZYTEE RB .....	RAPTAKOS
FLUCOZAL 150 .....	DELORBIS

## KHÁNG SINH

DAYTRIX 1 G .....	MEDEXPORT
DELTAZIME .....	MEDEXPORT
FLOXAVAL 500 MG .....	DELORBIS
PHILTOBAX .....	HANLIM
ACIGMENTIN 625   1000 .....	MIPHARMCO
ORABAKAN 200 MG .....	MIPHARMCO

## LỢI TIỂU

VEROSPIRON 25 MG .....	GEDEON RICHTER
VEROSPIRON 50 MG .....	GEDEON RICHTER

## MEN VI SINH - MEN TIÊU HÓA

NEOPEPTINE .....	RAPTAKOS
BIOLAC (VĨ)   (LỢ)   (GÓI) .....	BIOPHARCO
BIOSUBTYL-II .....	BIOPHARCO
ENTEROGOLDS (CHAI)   (VĨ) .....	BIOPHARCO
ENTEROGRAN .....	BIOPHARCO
ENTEROGO .....	SPOMEDIC

## THẦN KINH

BECOPIRA .....	BEPHARCO
CAVINTON 5 MG .....	GEDEON RICHTER
CAVINTON FORTE .....	GEDEON RICHTER
CAVINTON INJ .....	GEDEON RICHTER
REAGILA 1,5 MG   3 MG   4,5 MG   6 MG .....	GEDEON RICHTER
RILEPTID .....	EGIS
BEFATROPYL .....	MEYER - BPC
FIRVOMEF 25/250 MG   25/100 MG .....	DRP INTER
TOFIPAM .....	DRP INTER

# DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

## TIÊU HOA - GAN MẬT

BECOLUGEL .....	BEPHARCO
BECOLUGEL-O .....	BEPHARCO
BECOLUGEL-S .....	BEPHARCO
BECORIDONE .....	BEPHARCO
BECORIDONE NEW .....	BEPHARCO
GASMAGEL .....	BEPHARCO
THIDAMAGEL .....	BEPHARCO
QUAMATEL .....	GEDEON RICHTER
TRYMO TABLETS.....	RAPTAKOS
DOMPERIDONE.....	MEYER - BPC
DROTACOLIC.....	MEYER - BPC
ESOPRAZOL .....	MEYER - BPC
MEYERAZOL .....	MEYER - BPC
SORBITOL .....	MEYER - BPC
SPAS-MEYER .....	MEYER - BPC

## TIM MẠCH

BEATIL 4 MG/10 MG   4 MG/5 MG   8 MG/5 MG.....	GEDEON RICHTER
EDNYT 5 MG .....	GEDEON RICHTER
LISONORM.....	GEDEON RICHTER
LISONORM MEZO.....	GEDEON RICHTER
LISONORM FORTE.....	GEDEON RICHTER
NORMODIPINE 5 MG .....	GEDEON RICHTER
PANANGIN .....	GEDEON RICHTER
PANANGIN INJ.....	GEDEON RICHTER
TRINITRINA.....	MEDEXPORT
BISOTEXA 5 MG   2,5 MG   10 MG .....	PRO. MED
COMBISO 5 MG   10 MG .....	PRO. MED
BECOTAREL .....	MEYER - BPC
LOJECDAT 5/12,5 MG .....	DRP INTER
TRONISTAT 160/12,5 MG   160/25 MG   80/12,5 MG .....	DRP INTER
VARIMAN 160 MG.....	DRP INTER
VAZOLORE 80 MG.....	DRP INTER

## VITAMIN & KHOÁNG CHẤT

BETOFER .....	BEPHARCO
BOSUZINC (GÓI)   (CHAI) .....	BEPHARCO
MINIGADINE.....	RAPTAKOS
OKVITKA .....	HEALTHCARE AUSTRALIA
FOSTERVITA .....	MEYER - BPC

# DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

## AN THẦN, ĐỊNH CHÍ, DƯỠNG TÂM

AN THẦN .....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (VIÊN NÉN BAO PHIM).....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO DUTAMGINKO (VIÊN NÉN BAO ĐƯỜNG).....	YPHARCO
HOẠT HUYẾT PLUS.....	YPHARCO

## BỔ ÂM, DƯỠNG HUYẾT

BỔ THẬN ÂM .....	YPHARCO
ENTEKA – YB .....	YPHARCO
TAM THẤT BỔ MÁU - YB .....	YPHARCO

## BỔ PHẾ

BỔ PHẾ .....	YPHARCO
BỔ PHẾ TIÊU ĐỒM .....	YPHARCO
CẢM CÚM - HO YBA .....	YPHARCO
THUỐC HO THẢO DƯỢC.....	YPHARCO

## ĐIỀU KINH, AN THAI

BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH .....	YPHARCO
--------------------------	---------

## DÙNG NGOÀI

ACOCINA - 30 ML   40 ML   50 ML.....	YPHARCO
--------------------------------------	---------

## GIẢI BIỂU

CẢM XUYÊN HƯƠNG.....	YPHARCO
CẢM XUYÊN HƯƠNG PLUS.....	YPHARCO
CỐM CẢM XUYÊN HƯƠNG .....	YPHARCO
GIẢI CẢM.....	YPHARCO
SIRO CẢM XUYÊN HƯƠNG.....	YPHARCO

## GIẢI ĐỘC, TIÊU BAN, LỢI THỦY, THANH NHIỆT

NHIỆT MIỆNG YẾN BÁI.....	YPHARCO
TIÊU ĐỘC.....	YPHARCO

# DANH MỤC THUỐC ĐÔNG DƯỢC

## TẢ HẠ, TIÊU THỰC, BÌNH VỊ, KIẾN TÌ, NHUẬN TRÀNG

BỔ TỶ .....	YPHARCO
ĐẠI TRÀNG HOÀN .....	YPHARCO
FOLITAT DẠ DÀY .....	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN HOÀN .....	YPHARCO
HƯƠNG LIÊN YBA .....	YPHARCO
H'TIÊN YBA .....	YPHARCO
PHUGIA .....	YPHARCO
TÔ MỘC YB .....	YPHARCO

# DANH MỤC THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

## THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

AN THẦN YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
BỔ PHẾ YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
AMAK .....	YPHARCO HEALTHCARE
AMAKING .....	YPHARCO HEALTHCARE
AN XUÂN KHANG YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
BỔ THẬN YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI ĐỘC GAN YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
GIẢI RƯỢU YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
HOẠT HUYẾT YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
KIM TIÊN THẢO YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
MỘC HOA TRẮNG YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
TRINH NỮ HOÀNG CUNG YB .....	YPHARCO HEALTHCARE
VITALINK D3 .....	PHARMALINK
BIO THYMOLUS .....	BIOPHARCO
ORESOL-II .....	BIOPHARCO

# DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

## THIẾT BỊ Y TẾ

FREE NOSE HYPERTONIC (LƯU TRƯỞNG) .....	PHARMALINK
FREE NOSE ISOTONIC (ĐẰNG TRƯỞNG) .....	PHARMALINK



TOP 10 CÁC CÔNG TY KINH DOANH & PHÂN PHỐI  
DƯỢC PHẨM TẠI VIỆT NAM



BÌNH CHỌN THƯƠNG HIỆU SỐ 1 VIỆT NAM 2025

**CẨM XUYẾN HƯƠNG**  
YÊN BAI

### CÔNG TY THÀNH VIÊN



### ĐỐI TÁC TRONG NƯỚC



SPOMEDIC



MIPHARMCO

DRP inter



### ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI



RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD.



DAEWON



BEPHARCO

### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ:

6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Văn phòng điều hành:

11 Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện Thoại: (028) 3622 0205 - 18001745

Fax: (027) 53 824 248

Email: [bepharco.vietnam@bepharco.com](mailto:bepharco.vietnam@bepharco.com)

Website: [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)



bepharco group



Scan me